

**KẾ HOẠCH
NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI
5 NĂM 2021 - 2025 HUYỆN PHÚ VANG**

**PHẦN THỨ NHẤT
ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH
PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI 5 NĂM 2016 - 2020**

A. THỰC HIỆN NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI:

Nền kinh tế của huyện phát triển theo chiều hướng tích cực; tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2016-2020 là 11,63%, năm 2015 đạt 18,8% đến năm 2020 là 12,8%; Cơ cấu kinh tế dịch chuyển đúng định hướng: Lĩnh vực Dịch vụ tăng từ 41,2% năm 2015 lên 46,9% năm 2020; Công nghiệp, TTCN - xây dựng tăng từ 31,2% năm 2015 lên 34,4% năm 2020; Nông lâm ngư nghiệp giảm dần từ 27,6% năm 2015 xuống còn 18,7% năm 2020.

Về cơ cấu giá trị sản xuất (giá hiện hành): Giá trị sản xuất hàng năm tăng trưởng khá, từ 7.691 tỷ đồng năm 2015 lên 13.589 tỷ đồng ước thực hiện năm 2020, nhịp độ phát triển 5 năm đạt 176% so với năm 2015.

1. Giá trị sản xuất bình quân hàng năm: 11,63%

+ Giá trị sản xuất ngành dịch vụ bình quân hàng năm tăng: 14,85%/năm.
+ Giá trị sản xuất ngành công nghiệp - xây dựng: 13,87%/năm
+ Sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản tiếp tục có sự phát triển. Bình quân tăng: 3,08%/năm

2. Thu nhập bình quân đầu người từ: 1.850 USD/năm năm 2015 tăng lên 2.504 USD/năm năm 2020 đạt Kế hoạch Nghị quyết đề ra.

3. Tổng nguồn vốn đầu tư toàn xã hội giai đoạn 2016-2020 đạt 11.417 tỷ đồng, vượt Kế hoạch Nghị quyết đề ra.

4. Sản lượng lương thực ước đạt 74.000 tấn (năm 2020) vượt Kế hoạch Nghị quyết đề ra. Sản lượng khai thác và nuôi trồng thủy sản năm ước đạt 33.000 tấn đạt Kế hoạch Nghị quyết đề ra.

5. Thu ngân sách trên địa bàn tăng từ 164 tỷ đồng năm 2015 lên 319 tỷ đồng năm 2020, tăng bình quân 14,17% đạt 100% Kế hoạch Nghị quyết đề ra.

6. Duy trì tỷ lệ tăng dân số: Giảm từ 11‰ năm 2015 xuống còn 10,2 ‰ năm 2020 đạt Kế hoạch Nghị quyết đề ra.

7. Tỷ lệ trẻ em suy sinh dưỡng giảm từ 10,6% năm 2016 xuống còn 8,5% năm 2020 đạt Kế hoạch Nghị quyết đề ra.

8. Tổ chức đào tạo nghề cho 14.483/12.500 lao động đạt 115,9% kế hoạch nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo trên địa bàn huyện từ 50,4% năm 2015, tăng lên 65,2% năm 2020 đạt Kế hoạch Nghị quyết đề ra. Tạo việc làm mới cho 22.405/20.500 lao động, đạt 109,3% kế hoạch Nghị quyết đề ra.

9. Tỷ lệ hộ nghèo trên địa bàn huyện cuối năm 2015 có 3.762 hộ nghèo chiếm tỷ lệ 8,32%, đến cuối năm 2020 giảm còn dưới 5% đạt Kế hoạch Nghị quyết đề ra.

10. Tỷ lệ đô thị hóa cuối năm 2015 là 35,2% lên 45% cuối năm 2020 đạt 100% Kế hoạch Nghị quyết đề ra.

11. Xây dựng nông thôn mới, qua rà soát tình hình thực hiện 19 tiêu chí: 07 xã được công nhận đạt chuẩn gồm: Phú Thượng, Phú Mậu, Phú Mỹ, Phú Thuận, Phú An, Phú Hồ, Phú Hải; 03 xã Vinh Thanh, Phú Thanh, Phú Dương phấn đấu đạt chuẩn vào năm 2019, và Phú Lương đạt chuẩn vào cuối năm 2020; đạt tỷ lệ 135,7% Kế hoạch Nghị quyết đề ra.

12. Tỷ lệ thu gom rác thải sinh hoạt từ 55% cuối năm 2015 tăng lên 88% vào cuối năm 2020, đạt 125,71% Kế hoạch Nghị quyết đề ra. Tỷ lệ sử dụng nước máy từ 65% cuối năm 2015 tăng lên 92% năm 2020, đạt 102,22% Kế hoạch Nghị quyết đề ra.

Căn cứ tình hình thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội dự ước đến cuối năm 2019 và kế hoạch năm 2020. Dự ước tình hình thực hiện một số chỉ tiêu chủ yếu của kế hoạch 5 năm 2016 - 2020, khả năng có 12/12 chỉ tiêu đạt và vượt kế hoạch đề ra, cụ thể:

Đánh giá ước thực hiện giai đoạn 2016-2020

Số TT	Chỉ tiêu	KH 2016-2020	Dự ước thực hiện 2016-2020	
			Ước thực hiện	Đánh giá
1	Giá trị tăng trưởng (%)	11,5	11,63	Vượt
	- Dịch vụ (%)	14,7	14,85	Vượt
	- Công nghiệp, TTCN - Xây dựng (%)	13,57	13,87	Vượt
	- Nông, lâm, ngư nghiệp (%)	3,07	3,08	Vượt
2	Thu nhập bình quân đầu người/ năm (USD)	2.500- 3.000	2504	Đạt
3	Tổng vốn đầu tư toàn xã hội tăng thêm (Tỷ đồng)	> 10.500	11.417	Vượt
4	Nông nghiệp			
	- Sản lượng lương thực có hạt (Tấn)	Duy trì 65.000	74.000	Vượt
	- Giá trị sản xuất nông nghiệp bình quân (Trđ/ha/năm)	75	77	Vượt
	- Sản lượng khai thác và NTTS (Tấn)	33.000 tấn	33.000	Đạt
5	Thu ngân sách trên địa bàn (Triệu đồng)(Không kê thu cấp QSDĐ)	Tăng 13- 15%	14,17	Đạt
6	Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên (‰)	Duy trì 10-11%	10,2	Đạt
7	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi SDD (%)	< 10%	8,5	Đạt
8	Lao động			
	- Tỷ lệ lao động qua đào tạo (%)	>65%	65,2	Đạt

	- Tạo việc làm mới trên (LĐ/năm)	4.000	4.100	Vượt
9	Tỷ lệ hộ nghèo (%)	< 5%	4,2	Đạt
0	1	Tỷ lệ đô thị hóa (%)	45	Đạt
1	1	Số xã đạt tiêu chí nông thôn mới	8 xã	Đạt
2	1	Môi trường		
	- Tỷ lệ thu gom và xử lý rác thải sinh hoạt (%)	70%	88%	Vượt
	- Tỷ lệ hộ sử dụng nước máy (%)	>90%	92%	Đạt

Kết quả đạt được cụ thể trên các lĩnh vực:

I. VỀ KINH TẾ:

1. Về phát triển Dịch vụ:

Trong nhiệm kỳ qua, được sự quan tâm, chỉ đạo sâu sát, kịp thời của UBND tỉnh, Ban Thường vụ Huyện ủy nên công tác phát triển Thương mại - Dịch vụ trên địa bàn huyện từng bước có sự chuyển biến đáng kể, đẩy mạnh phát triển sản xuất theo cơ cấu kinh tế Dịch vụ - Công nghiệp, Tiểu thủ Công nghiệp - Nông nghiệp, phát huy nội lực để khai thác các tiềm năng thế mạnh của huyện. Ngành dịch vụ có bước phát triển đa dạng, đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh và phục vụ đời sống nhân dân.

Trong năm 2016, doanh thu ngành dịch vụ của huyện có nhiều biến động do ảnh hưởng của sự cố môi trường biển miền Trung từ ngày 06/4/2016, lượng khách đến tắm biển, ăn uống hải sản tại các bãi tắm biển và dịch vụ ăn uống tại đầm Chuồn giảm mạnh, sản lượng tiêu thụ thủy hải sản tại các chợ trên địa bàn huyện sụt giảm đáng kể. Nhờ sự chỉ đạo của các cấp ủy, chính quyền, các cơ quan ban ngành tích cực triển khai công tác đền bù cho người dân bị ảnh hưởng, đẩy mạnh các giải pháp kịp thời khắc phục sự cố môi trường biển nên tình hình sản xuất, tiêu thụ thủy hải sản đánh bắt và dịch vụ tắm biển, ăn uống tại các bãi tắm biển và đầm Chuồn, sớm được phục hồi; Duy trì và phát triển các hoạt động sản xuất, tiêu thụ các mặt hàng chế biến hải sản. Các hoạt động dịch vụ du lịch được mở rộng với nhiều hình thức phong phú như du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, lễ hội; Hạ tầng ngành dịch vụ du lịch phát triển đa dạng, nhiều hoạt động dịch vụ có hiệu quả tại bãi tắm Thuận An, khu du lịch nghỉ dưỡng nước nóng Mỹ An – xã Phú Dương, khởi công xây dựng khu vui chơi nghỉ dưỡng - 243 Nguyễn Sinh Cung, xã Phú Thượng, khu vui chơi và công viên biển của tập đoàn PSH – xã Vinh Thanh, xã Vinh An. Đã đầu tư chỉnh trang, sắp xếp, tổ chức, quản lý hoạt động kinh doanh và nâng cấp hạ tầng các bãi tắm Thuận An, Phú Thuận, Vinh Thanh, Phú Diên, Vinh An. Các hoạt động dịch vụ du lịch được đầu tư mở rộng như du lịch sinh thái trên đầm phá đã thu hút khách ngày càng nhiều đem doanh thu ngành du lịch tăng trên 30%.

Hoạt động dịch vụ thương mại tiếp tục phát triển, nhu cầu mua sắm hàng hóa tăng cao vào các dịp Tết, lễ. Triển khai chuẩn bị hàng hóa phục vụ Tết Nguyên đán đảm bảo về số lượng, chất lượng và chủng loại hàng hóa. Tổ chức các phiên chợ đưa hàng Việt về nông thôn, bán hàng bình ổn thị trường tại huyện. Tổ chức Hội nghị đối thoại các doanh nghiệp, hợp tác xã về tiếp cận vốn tín dụng và các dịch vụ ngân hàng để phát triển sản xuất kinh doanh. Tổ chức hội thảo khởi nghiệp đổi mới

sáng tạo. Các dịch vụ hậu cần nghề cá phát triển như dịch vụ thu mua, cấp đông, chế biến thủy sản. Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát thị trường, chống buôn bán hàng cấm, hàng lậu, hàng nhái, hàng giả, hàng kém chất lượng nhằm bảo vệ người tiêu dùng; Kiểm tra hoạt động dịch vụ ăn uống, kiểm soát việc đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh thuộc lĩnh vực công thương. Xây dựng, nâng cấp, sửa chữa như chợ Nam Phổ - xã Phú Thượng, Chợ Sam- Phú Mỹ, Chợ Thanh Lam Bò - Vinh Thái, chợ Diên Đại - xã Phú Xuân,... và quy hoạch, phân lô, sắp xếp bố trí các lô quây tại các chợ trên địa bàn. Các doanh nghiệp, hộ gia đình mở rộng phát triển kinh doanh, góp phần tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa trên địa bàn như sản phẩm hàng nông sản, mộc mỹ nghệ, chế biến thủy hải sản,...

2. Lĩnh vực Công nghiệp - TTCN và ngành nghề nông thôn:

a) Công nghiệp - Tiểu thủ công nghiệp:

- Khu Công nghiệp Phú Đa quy hoạch chi tiết với diện tích 230,9 ha, đã có 10⁽¹⁾ công ty đến đầu tư nhà máy sản xuất, góp phần giải quyết việc làm cho trên 3.000 lao động.

- Tổ chức công bố quy hoạch chi tiết cụm Công nghiệp Thuận An, đang xúc tiến kêu gọi các doanh nghiệp đến đầu tư các nhà máy sản xuất phục vụ hậu cần nghề cá như: Đóng và sửa chữa cơ khí, tàu thuyền; chế biến hàng thủy hải sản; chế biến thức ăn gia súc và các ngành nghề truyền thống khác. Đã có 2 Công ty TNHH MTV đóng tàu THP và Công ty chế biến thủy sản Thuận Long đang lập thủ tục để xin đầu tư nhà máy sản xuất.

Sản phẩm tiểu thủ công nghiệp và ngành nghề nông thôn đang có bước phát triển theo hướng sản xuất hàng hoá. Bước đầu hình thành và phát triển một số cơ sở sản xuất có quy mô lớn, sản phẩm hàng hóa ngày một đa dạng, chất lượng sản phẩm được nâng cao,... Các ngành nghề: Chế biến thủy hải sản, chế biến nước mắm, ruốc, mắm các loại, đóng mới và sửa chữa tàu thuyền, mộc dân dụng, nhà rường, chế biến nước ốt, may mặc,... không ngừng được đầu tư phát triển. Xác định 05 sản phẩm chủ lực của huyện và đề nghị UBND tỉnh công nhận 03 sản phẩm chủ lực của tỉnh hỗ trợ mở rộng quy mô sản xuất để xây dựng thương hiệu.

Công tác hỗ trợ xúc tiến thương mại luôn được quan tâm, hằng năm vận động, tổ chức, hỗ trợ các cơ sở sản xuất tham gia trưng bày sản phẩm tại các lễ hội, hội chợ trên địa bàn tỉnh, toàn quốc. Hỗ trợ xúc tiến phát triển thị trường nông sản, đặc sản, thủ công mỹ nghệ huyện Phú Vang vào các kênh phân phối bán lẻ. Tổ chức Ngày hội làng nghề truyền thống huyện Phú Vang; Tổ chức và vận động các cơ sở tham gia bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu và đã đạt nhiều giải cấp tỉnh và cấp khu vực,... Công tác xây dựng nhãn hiệu, đăng ký bảo hộ sản phẩm thường xuyên được quan tâm, đã có 10 nhãn hiệu tập thể được Cục Sở Hữu Trí Tuệ cấp Giấy chứng nhận bảo hộ⁽²⁾.

⁽¹⁾ Đang hoạt động sản xuất: 08 công ty (Công ty cổ phần Liên Minh, Công ty Cổ phần Dệt may Thiên An Phú; Công ty TNHH Giồng cây trồng Liên Việt; Công ty cổ phần Dệt may PPJ-Huế; Công ty TNHH MTV Sơn Hà Huế; Công ty Cổ phần Dệt may Huế; Công ty TNHH Hoa Giang; Công ty Cổ phần Công nghệ Frit Phú Sơn). Đang đầu tư nhà máy: 01 công ty (Công ty Cổ phần Vương Thy - Huế). Đang làm thủ tục đầu tư: 01 công ty (Công ty Cổ phần sản xuất và thương mại Hoàng Gia Phát).

⁽²⁾ Làng nghề nước mắm An Dương Phú Thuận; Nấm Phú Lương; Gạo Phú Hồ; Gạo Vinh Hà; Ớt Vinh Xuân; Ớt Phú Diên; Rượu gạo làng Chuồn; Nước mắm Làng Trại, Phú Hải,...

Từ nguồn kinh phí khuyến công tỉnh, huyện và vốn của các doanh nghiệp, cơ sở để hỗ trợ đầu tư ứng dụng máy móc thiết bị tiên tiến vào sản xuất nhằm tăng năng suất, chất lượng sản phẩm, hạ giá thành sản phẩm,... Các đề án được hỗ trợ kinh phí khuyến công đã thu được những kết quả nhất định và có tác dụng rõ rệt với cơ sở công nghiệp nông thôn. Phần lớn đều phát triển tốt, góp phần phát triển công nghiệp nông thôn tại địa phương, tạo việc làm và tăng thu nhập cho lao động nông thôn. Thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế - lao động theo hướng CNH-HĐH, góp phần phát triển đời sống kinh tế - xã hội của địa phương. Động viên các nguồn lực tham gia đầu tư phát triển sản xuất, giúp các tổ chức, cá nhân trong huyện hiểu và tham gia tích cực vào hoạt động khuyến công ở địa phương, góp phần đưa công nghiệp nông thôn phát triển mạnh mẽ hơn nữa.

b) Xây dựng:

*** Công tác quy hoạch**

Tại thị trấn Phú Đa: Tiến hành điều chỉnh cục bộ một số nội dung đề án điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng Đô thị mới Phú Đa, huyện Phú Vang theo quyết định số 539/QĐ-UBND ngày 18/3/2016 của UBND tỉnh.

Tại thị trấn Thuận An: Đã phê duyệt Quy hoạch Cụm công nghiệp Thuận An với quy mô 14,5ha; Điều chỉnh cục bộ đề án điều chỉnh Quy hoạch chung thị trấn Thuận An, huyện Phú Vang theo quyết định 1904/QĐ-UBND ngày 12/8/2016 của UBND tỉnh.

Tại xã Vinh Thanh: Đang hoàn chỉnh “Đề án nâng cấp đô thị mới Vinh Thanh thành đô thị loại V” trình phê duyệt sau khi được UBND tỉnh phê duyệt điều chỉnh đề cương nhiệm vụ lập Đề án; phê duyệt Quy hoạch xây dựng Nông thôn mới xã Vinh Thanh.

*** Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật, chỉnh trang đô thị:** Tranh thủ các nguồn vốn TW, tỉnh, huyện để đầu tư chỉnh trang, nâng cấp, phát triển đô thị. Các tuyến đường ở thị trấn Thuận An, Phú Đa, xã Vinh Thanh và các xã trọng điểm được đầu tư chỉnh trang, hệ thống chiếu sáng đang đầu tư hoàn chỉnh, đảm bảo thẩm mỹ cảnh quan đô thị; vỉa hè các trục đường chính được lát gạch giúp cảnh quan môi trường thêm sạch đẹp. Đang tập trung đẩy mạnh đầu tư cơ sở hạ tầng, hoạt động dịch vụ và có nhiều doanh nghiệp đang triển khai các thủ tục để đầu tư, xây dựng các khu dịch vụ nghỉ dưỡng cao cấp. Công tác đô thị hoá ngày càng khởi sắc, kết cấu hạ tầng, các loại hình dịch vụ phát triển mạnh.

*** Xây dựng nếp sống văn minh đô thị:** Công tác xây dựng nếp sống văn hóa, văn minh đô thị được quan tâm thực hiện góp phần tạo môi trường thuận lợi thúc đẩy phát triển kinh tế-xã hội, đảm bảo quốc phòng an ninh; Tăng cường công tác quản lý, kiểm tra, hướng dẫn người dân xây dựng nhà ở đúng theo quy định.

3. Lĩnh vực nông, lâm, ngư nghiệp: Phát triển theo hướng tích cực, tăng trưởng bình quân hàng năm 3,08%; Từ 2.122,2 tỷ đồng năm 2015 lên 2.535,3 tỷ đồng ước thực hiện năm 2020 (giá hiện hành), chiếm tỷ trọng 18,7% trong cơ cấu kinh tế.

Đã từng bước tổ chức lại sản xuất, xây dựng thành công nhiều mô hình hiệu quả; quan tâm ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, lồng ghép nhiều chương trình dự án, tổ chức tập huấn kỹ thuật mới về trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản để ứng dụng vào sản xuất mang lại hiệu quả kinh tế cao.

* **Trồng trọt:** Ổn định sản lượng lương thực có hạt, đảm bảo an sinh xã hội, cơ cấu giống cây trồng được nghiên cứu chuyển đổi phù hợp từng chất đất, giống lúa xác nhận tăng từ 98,5% năm 2015 lên 98,6% năm 2019.

Ổn định diện tích gieo trồng cây hàng năm: Năm 2019: 16.092,5ha. Trong đó: Diện tích lúa: 12.537,17ha (tăng 788,27 ha so với năm 2015); (Lúa chất lượng cao: 4.897,95ha);

Năng suất bình quân tăng từ 60 tạ/ha năm 2015 lên 60,78 tạ/ha năm 2019, sản lượng từ 66.877 tấn năm 2015 lên 76.207,06 tấn năm 2019. Các cây trồng khác đều ổn định về diện tích ⁽³⁾.

Sản lượng lương thực tăng 72.434,2 tấn (năm 2015) lên 76.282,06 tấn (năm 2019), trong đó sản lượng lúa tăng từ 72.300,9 tấn (năm 2015) lên 76.207,06 tấn (năm 2019), bình quân mỗi năm lương thực có hạt tăng 769,6 tấn.

Diện tích cánh đồng mẫu lớn có liên kết trong tiêu thụ khoảng 2.300ha, đạt 18,3% tổng diện tích lúa toàn huyện, để tiến tới xây dựng thương hiệu gạo Huyện Phú Vang.

Đã chú trọng chuyển đổi cơ cấu cây trồng để tăng hiệu quả kinh tế trên 1 đơn vị diện tích canh tác, đưa các giống lúa năng suất, chất lượng cao vào sản xuất. Nhân rộng mô hình cánh đồng mẫu lớn với các giống lúa chất lượng cao như: HT1, DT39, HN6, nếp Iri352... Trồng các loại hoa chất lượng Hoa cúc, hoa lyly, hoa Monkara ở Phú Mậu, Phú Dương, trồng nấm rơm, nấm sò, nấm Linh Chi ở xã Phú Lương, Phú Hồ, trồng rau sạch ở xã Phú Thượng...

Chuyển đổi những diện tích đất trồng lúa kém hiệu quả ở vùng biển không chủ động nước sang trồng các loại cây trồng cạn hoặc nuôi trồng thủy sản. Tiếp tục phát triển các vùng sản xuất lúa chất lượng cao theo hướng xây dựng cánh đồng lớn để áp dụng đồng bộ các tiến bộ khoa học kỹ thuật và đưa cơ giới hóa vào các khâu của sản xuất, tập trung

Qua đánh giá hiệu quả kinh tế trong mô hình cánh đồng mẫu lớn ở một số địa phương cho thấy lợi nhuận thu được từ mô hình cánh đồng mẫu cao hơn so với ngoài mô hình từ 2,2-7,5 triệu đồng/ha, nhờ việc áp dụng đồng bộ các giải pháp kỹ thuật đã làm tăng năng suất, đồng thời giảm chi phí sản xuất như lượng giống xạ, số lần phun thuốc trừ sâu bệnh...

* **Chăn nuôi:** Những năm qua dịch bệnh, nhất là dịch tả lợn châu phi xảy ra trên địa bàn năm 2019 đã tiêu hủy hơn 700 tấn thịt lợn; mặc khác giá cả, đầu ra thấp làm ảnh hưởng đến tốc độ phát triển của ngành chăn nuôi. Song số lượng, chất lượng đàn gia súc, gia cầm ổn định. Dự ước năm 2015 tỷ trọng chăn nuôi chiếm 35% trong giá trị sản xuất nông nghiệp. Đàn trâu: 1.200 con (trâu sinh sản 400 con) giảm 52% so với năm 2015, đàn bò: 3.000 con (bò lai 1.350 con) giảm 6,5% nhưng chất lượng đàn đã tăng 5,8% so với năm 2015, đàn lợn: 20.100 con (lợn nái 2.100 con) số lượng đàn giảm 55,2%, chất lượng đàn đã tăng 18,51% so với năm 2015. Đàn gia cầm đạt 530.00 con (gà 285.000 con, vịt, ngan, ngỗng...245.000 con) giảm 3,6% so với năm 2015. Đàn dê: 1.800 con tăng 2,8% so với năm 2015.

Quan tâm nâng cao chất lượng đàn gia súc, gia cầm thông qua các chương trình dự án, đề án như: Đề án Phát triển đàn lợn giống tỷ lệ nạc cao, đề án sinh hóa

³ Ngô 45-50 ha; sắn 900 ha; lạc 300 ha; rau, đậu 1.600 ha

đàn bò, chăn nuôi gia cầm an toàn sinh học. Chuyển đổi mô hình chăn nuôi sang nuôi trên đệm lót sinh học để giảm ô nhiễm môi trường.

Tăng cường công tác phòng chống dịch bệnh gia súc, gia cầm nhất là các dịch bệnh Lở mồm long móng, cúm gia cầm, tai xanh ở lợn... đẩy mạnh công tác kiểm dịch, tăng cường công tác tiêm phòng gia súc, gia cầm.

*** Thủy sản:**

- Nuôi trồng:

Để phát triển nuôi trồng thủy sản theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả sản xuất gắn với bảo vệ môi trường, UBND huyện đã tập trung chỉ đạo các địa phương, các phòng ban liên quan tổ chức thực hiện quy hoạch nuôi trồng thủy sản theo Quyết định số 2402/QĐ-UBND ngày 07 tháng 5 năm 2014, phê duyệt điều chỉnh quy hoạch phát triển nuôi trồng thủy sản huyện Phú Vang đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030. Tập trung thực hiện đa dạng đối tượng nuôi theo quy hoạch, chuyển đổi diện tích nuôi chuyên tôm thường xảy ra dịch bệnh, kém hiệu quả sang nuôi xen ghép tôm với một số đối tượng như cá dìa, cá kính, cá đối mực... có giá trị kinh tế cao, đã hạn chế được ô nhiễm môi trường, dịch bệnh, nâng cao hiệu quả sản xuất.

Đến nay, Diện tích nuôi trồng thủy sản: 2.555,4 ha, với sản lượng 3.100 tấn. trong đó: nuôi nước lợ: 2.437,1 ha, với sản lượng 2.766 tấn; nuôi nước ngọt: 118,3 ha, với sản lượng nuôi nước ngọt: 334 tấn.

Nuôi nước lợ: Năm 2019 diện tích nuôi trồng thủy sản nước lợ 2.437,1 ha, tăng 64,4 ha so với năm 2015. Sản lượng nước lợ thu hoạch năm 2019 ước đạt 2.766 tấn thủy sản các loại, tăng 33,4 tấn so với năm 2015.

Từ năm 2016 đến nay đã chuyển đổi 88,5 ha nuôi chuyên tôm sang nuôi xen ghép nhiều đối tượng, đưa diện tích nuôi xen ghép đến nay lên đến 2.381,4 ha, chiếm 97,7% diện tích nuôi nước lợ, tăng 125,7 ha so với năm 2015. Đối với nuôi chuyên tôm diện tích thực hiện 55,7 ha chiếm 2,3% diện tích nuôi nước lợ giảm 64,3 ha so với năm 2015;

Diện tích nuôi chuyên tôm đã tập trung chỉ đạo nuôi tôm 1 vụ ăn chắc, thời gian còn lại tận dụng điều kiện môi trường ở một số vùng nuôi tương đối thuận lợi để thả nuôi gối vụ. Kết hợp nuôi xen ghép nhiều đối tượng, đa dạng hóa các loài nuôi như tôm, cua, cá các loại... để nâng cao hiệu quả, hạn chế ô nhiễm môi trường, dịch bệnh.... tăng cường quản lý con giống, kiểm soát chặt chẽ dịch bệnh tôm nhằm hạn chế dịch bệnh và xử lý kịp thời khi có dịch bệnh xảy ra, nâng cao hiệu quả kinh tế.

Nuôi nước ngọt: Đã chuyển một số diện tích ruộng thấp trũng sang nuôi cá nước ngọt hoặc nuôi kết hợp cá lúa bước đầu mang lại hiệu quả. Trong năm 2019, diện tích nuôi cá nước ngọt đạt 118,3 ha, giảm 49,6 ha so với năm 2015; Sản lượng thu hoạch ước đạt 334 tấn, giảm 184,9 tấn so với năm 2015.

- Khai thác biển: UBND huyện đã chỉ đạo Phòng Nông nghiệp phối hợp các ngành chức năng của tỉnh, UBND các xã, thị trấn ven biển tập trung chỉ đạo, tuyên truyền, vận động đã tạo sự chuyển biến tích cực trong nhận thức của ngư dân từ khai thác ven bờ sang đầu tư khai thác xa bờ. Vận động ngư dân huy động nguồn vốn đầu tư cải tiến ngư lưới cụ truyền thống, phát triển ngành nghề mới (như rê cá lạt, rê mực khơi, bẫy ghẹ, lưới rê hỗn hợp...) để đánh bắt xa bờ; Đầu tư thêm ngư

lưới cụ nhằm khai thác quanh năm theo mùa vụ, mở rộng ngư trường để nâng cao năng lực và hiệu quả đánh bắt thủy sản.

Từ năm 2016 đến nay, nhân dân các địa phương vùng biển đã huy động vốn đầu tư mua mới, đóng mới được 51 chiếc công suất từ 400 CV đến 822CV, cải hoán nâng công suất 111 chiếc để nâng cao năng lực đánh bắt, có đủ điều kiện vươn khơi mở rộng ngư trường khai thác thủy sản xa bờ (trong đó đóng mới theo Nghị định 67/2014/NĐ-CP của Chính phủ: 30 chiếc, cải hoán: 1 chiếc). Nâng tổng số tàu thuyền đánh bắt lên 1.365 chiếc, trong đó tàu thuyền có máy 1.112 chiếc, với tổng công suất lên 130.037 CV, tăng 72.922 CV so với năm 2015. Trong đó: tàu có công suất từ 400 CV trở lên: 143 chiếc tăng 117 chiếc so với năm 2015, tàu từ 90CV đến dưới 400 CV: 157 chiếc; tàu có công suất từ 20 đến dưới 90CV: 354 chiếc; tàu có công suất dưới 20CV: 458 chiếc); Công suất trung bình của một phương tiện có máy đạt 116,9 CV tăng 53,8 CV so với năm 2015. Ghe thuyền không máy 253 chiếc.

Hầu hết các phương tiện được đầu tư trang bị các thiết bị hàng hải hiện đại như: Máy định vị tích hợp, thiết bị giám sát hành trình, máy dò cá, bộ đàm, phục vụ cho việc tìm kiếm ngư trường, nguồn lợi hải sản, đánh bắt xa bờ có hiệu quả cao; Ngoài ra có sự kết hợp đánh bắt hải sản với việc xây dựng tổ chức lực lượng dân quân trên biển góp phần bảo vệ chủ quyền an ninh vùng biển. Xây dựng và củng cố các Chi hội nghề cá, tổ đoàn kết, liên đoàn, nghiệp đoàn nhằm hỗ trợ giúp đỡ nhau trong quá trình sản xuất, tìm kiếm cứu hộ, cứu nạn xảy ra trên biển.

Nhờ vậy, sản lượng đánh bắt hàng năm tăng cao, đến năm 2020 sản lượng khai thác biển ước đạt 28.300 tấn, tăng 3.766 tấn so với năm 2015, tổng giá trị khai thác thủy sản trên 700 tỷ đồng.

Nhìn chung, tình hình khai thác thủy sản tuy có những khó khăn nhất định do yếu tố khách quan, như chi phí sản xuất tăng, giá cả sản phẩm thiếu ổn định, sự cố môi trường biển... Song nhờ sự tập trung chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền, các cơ quan ban ngành, tổ chức quán triệt, tuyên truyền, tăng cường công tác quản lý nhà nước, vận động cùng với sự nỗ lực của ngư dân đã huy động mọi nguồn vốn tập trung đầu tư mua mới, cải hoán tàu thuyền, thay máy có công suất lớn ít tiêu hao nhiên liệu giảm chi phí, tăng công suất vươn khơi đánh bắt xa bờ, hạn chế đánh bắt gần bờ. Đồng thời, được sự hỗ trợ của nhà nước, ngư dân rất phấn khởi tập trung phương tiện ra khơi đánh bắt, nâng cao hiệu quả trong sản xuất ổn định cuộc sống cho ngư dân vùng biển.

- **Khai thác sông đầm:** UBND huyện đã chỉ đạo phòng Nông nghiệp-PTNT tranh thủ sự hỗ trợ và phối hợp với các dự án xây dựng đề án quy hoạch ngành nghề khai thác trên đầm phá; gắn khai thác với bảo vệ môi trường nguồn lợi hệ sinh thái. Tổ chức sắp xếp lại ngành nghề gắn công tác giải tỏa sắp xếp nò sáo, giải tỏa luồng lạch bảo đảm thông thoáng môi trường với giao thông thủy nội địa, di cư các loài thủy sản.

Tăng cường công tác quản lý phối hợp với Chi cục Khai thác và BVNLTS tổ chức đăng ký cấp số cho 1.022 chiếc thuyền máy, tổng công suất 16.110 CV nhằm quản lý và cam kết không tham gia khai thác nghề cấm.

Nhằm thực hiện tăng cường công tác quản lý, bảo vệ bãi giống, bãi đẻ, bảo tồn đa dạng sinh học, duy trì và phát triển nguồn lợi thủy sản trên đầm phá, Trong những năm qua đã phối hợp Chi cục Thủy sản tỉnh kiểm tra quy hoạch và xây dựng

7 Khu bảo vệ thủy sản, với tổng diện tích bảo vệ nghiêm ngặt là 177 ha, chiếm 2,6% diện tích đầm phá (Gồm: Cồn chìm Vinh Phú 23,6 ha; Đoi chỏi Phú Diên 30,4ha, Đoi mai bóng 30 ha; Cồn giá Vinh Hà 40 ha; Vũng bùn Phú Đa 16 ha; Vũng điện Phú Xuân 23 ha; Đầm hà trung Vinh Hà 14 ha).

Phối hợp với Hội nghề cá tỉnh, sự giúp đỡ của các chương trình dự án đã thành lập và đi vào hoạt động 22 tổ chức hội nghề cá;

Đã giao quyền và cấp phép khai thác thủy sản cho 13 Chi hội nghề cá để cộng đồng ngư dân chủ động trong các hoạt động sản xuất và quản lý với diện tích 3.962,5 ha, tiến tới giao toàn bộ mặt nước khai thác thủy sản đầm phá của huyện cho các Chi hội nghề cá. Nhờ vậy sản lượng khai thác sông đầm hàng năm luôn duy trì 750 đến 850 tấn, góp phần ổn định đời sống cho ngư dân sống ven đầm phá sinh sống bằng nghề khai thác thủy sản.

*** Thủy lợi:**

Từ năm 2016 đến nay trên địa bàn huyện đã xây dựng được 8 trạm bơm điện nâng tổng số trạm bơm trên địa bàn huyện lên 82 (42 trạm bơm tưới, 31 trạm bơm tưới tiêu kết hợp, 9 trạm bơm tiêu); (nhờ vậy diện tích được tưới bằng bơm điện tăng từ 3.474 ha/vụ năm 2014 lên 4.034 ha/vụ năm 2019, diện tích tiêu bằng bơm điện vụ Đông Xuân tăng từ 3.349 ha lên 3.446 ha.)

Kiên cố hóa được 22.869 Km kênh mương nội đồng nâng tổng số kênh mương kiên cố hóa lên 190 Km

Hệ thống đê bao, đê sông kiên cố được 17,74 Km nâng tổng số đê bao đê sông được kiên cố lên 100/168Km;

*** Kinh tế tập thể:** Tổng số hợp tác xã trên địa bàn huyện Phú Vang đến cuối năm 2019: 28 HTX (gồm HTX nông-lâm-ngư nghiệp 26 HTX; 01 HTX ô tô vận tải và 01 quỹ tín dụng nhân dân) hoạt động theo Luật HTX năm 2012.

Từ khi có Luật HTX năm 2012 trên địa bàn huyện Phú Vang, Ban chỉ đạo phát triển KTTT của huyện đã phối hợp với BCĐ phát triển KTTT của tỉnh đã tổ chức tuyên truyền, vận động các xã chưa có HTX hình thành tổ chức sản xuất nhằm hoàn thành tiêu chí số 13 là hình thức tổ chức sản xuất trong 19 tiêu chí của bộ tiêu chí quốc gia xây dựng nông thôn mới. Trong nhiệm kỳ 2015-2020 đã tổ chức Hội nghị thành lập mới 09 HTX (trong đó 02 HTX thủy sản (Phú Hải; Vinh Hà) , 03 HTX nông nghiệp (Phú An, Vinh Xuân, Vinh Thanh), 03 HTX chế biến (Phú Diên, Vinh An, Phú Thuậ) và 01 HTX mộc mỹ nghệ Vinh Thanh) hoạt động theo Luật HTX năm 2012. Các HTX mới thành lập đã tiến hành đăng ký thành lập HTX tại Phòng Tài chính KH huyện để điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật quy định.

Đến cuối năm 2020 sẽ thành lập mới thêm 02 HTX nâng tổng số HTX trên địa bàn huyện lên 30 HTX.

Sau chuyển đổi và thành lập mới theo luật, các HTX đã từng bước đổi mới điều hành sản xuất và kinh doanh dịch vụ, liên kết sản xuất với các HTX và doanh nghiệp để tăng dịch vụ của HTX và phục vụ tốt hơn cho thành viên HTX. Đồng thời tích cực tham gia các chương trình KTXH của địa phương. Đã xuất hiện một số HTX hoạt động có hiệu quả, uy tín, góp phần tạo thêm việc làm cho người dân, xóa đói giảm nghèo, an sinh xã hội, Có một số HTX đã xây dựng thương hiệu sản phẩm như: Nấm linh chi HTX Phú Lương 1; gạo chất lượng cao HTX Phú Hồ; nước ốt HTX Vinh Xuân....

* **Cơ giới hóa trong sản xuất nông nghiệp:** Cơ giới hóa trong sản xuất nông nghiệp có bước phát triển, nhất là trong sản xuất lúa. Đến nay, đã cơ giới hóa các khâu làm đất, gặt đập, vận chuyển... Khâu làm đất đạt: 100% (có: 711 máy cày, tăng 138 máy cày so với năm 2015); Khâu vận chuyển đạt: 90% (có 400 chiếc máy kéo); Khâu thu hoạch đảm bảo tiến độ đạt: 100% (có 166 chiếc máy gặt, trong đó: máy gặt đập liên hợp: 83 chiếc, tăng 53 chiếc so với năm 2015); Khâu xay xát đạt: 100% (có 225 máy). Trạm bơm điện có 82 trạm trong đó tưới tiêu kết hợp: 42 trạm bơm tưới, 31 trạm bơm tưới tiêu kết hợp, 9 trạm bơm tiêu (tưới đạt 95%, tiêu đạt 100%).

* **Hoạt động khuyến nông:** Đã triển khai 30 mô hình trình diễn chuyên giao tiến bộ khoa học kỹ thuật mới để ứng dụng vào sản xuất với tổng kinh phí 1.704.635 đồng. Ngoài ra phối hợp với các đơn vị liên quan như Trung tâm chuyên giao khoa học kỹ thuật của trường Đại học nông lâm Huế, Trung tâm Khuyến nông lâm ngư của tỉnh ... để chuyển giao về khoa học công nghệ của một số dự án, mô hình đưa vào ứng dụng. Đồng thời tham gia hướng dẫn, xây dựng các mô hình điểm, trong chăn nuôi, trồng trọt, đã tổ chức nhiều lớp tập huấn, chuyển giao kỹ thuật và xây dựng các chuyên mục để bà con nông, ngư dân cập nhật thông tin cho sản xuất.

* **Công tác miễn thủy lợi phí theo Nghị định 67/2012/NĐ-CP và hỗ trợ giá dịch vụ công ích thủy lợi theo nghị định 96/2018/NĐ-CP:** Từ 2016 đến tháng 9 năm 2019 đã chi trả với tổng số tiền 49,276 tỷ đồng. Cụ thể: Từ năm 2016-2017 đã thực hiện chính sách miễn thủy lợi phí của Nhà nước theo Nghị định 67/2012/NĐ-CP và Thông tư 41/2013/TT-BTC ngày 11/4/2013 với tổng kinh phí là 26,430 tỷ đồng. Từ năm 2018 đến tháng 9 năm 2019 đã thực hiện chính sách hỗ trợ giá sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi theo Nghị định 96/2018/NĐ-CP với tổng kinh phí là 22,846 tỷ đồng.

* **Công tác chính sách hỗ trợ để bảo vệ và phát triển đất trồng lúa theo Nghị định số 35/2015/NĐ-CP, Thông tư 18/2016/TT-BTC ngày 21/1/2016 và thông tư 19/2019/TT-BTC ngày 27/6/2016 :** Từ tháng 1/2016 đến tháng 9/2019 đã thực hiện hỗ trợ với tổng kinh phí là 11,316 tỷ đồng.

* **Công tác tái định cư các hộ dân ảnh hưởng thiên tai, vạ độ, sạt lở bờ biển:** Từ năm 2016-2019 đã thực hiện tái định cư 15 hộ với nguồn kinh phí hỗ trợ cho nhân dân 300 triệu đồng, đầu tư hạ tầng 1.735 triệu đồng⁽⁴⁾.

* **Lâm nghiệp:** Tăng cường công tác trồng rừng nhằm bảo vệ môi trường sinh thái vùng ven biển, đầm phá, vùng cát nội đồng vừa bảo đảm thu nhập cho người lao động sống bằng nghề trồng rừng; Trong 5 năm qua bình quân mỗi năm trồng được 45 ha rừng tập trung và 55 ha rừng cây phân tán; khai thác tối đa quỹ đất trồng rừng nội đồng, làng mạc, nơi công cộng. Tổng diện tích rừng trồng đạt 500 ha, tăng bình quân 2%/năm, độ che phủ đạt 7,2% so với diện tích tự nhiên. Công tác quản lý, bảo vệ rừng, phòng chống cháy rừng và kiểm tra, kiểm soát lâm sản, xử lý các trường hợp vi phạm Luật bảo vệ và phát triển rừng được triển khai thực hiện nghiêm túc, đạt hiệu quả.

* **Kết quả thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới:**

⁴ Trong đó nguồn từ nguồn ngân sách tỉnh 2.035 triệu đồng

Kết quả rà soát tình hình thực hiện 19 tiêu chí 6 tháng đầu năm 2019 (Theo quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016-2020:

Đến nay có 07 xã đã được UBND tỉnh phê duyệt công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới (Phú Thượng, Phú Mậu, Phú Mỹ, Phú Thuận, Phú An, Phú Hải, Phú Hòa); 01 xã đạt 18 tiêu chí (Vinh Thanh); 03 xã đạt 17 tiêu chí (Phú Thanh, Phú Lương, Vinh Xuân), 02 xã đạt 16 tiêu chí (Phú Dương, Vinh Hà), 02 xã đạt 15 tiêu chí (Vinh Thái, Phú Diên), 01 xã đạt 14 tiêu chí (Vinh An), 2 xã đạt 13 tiêu chí (Phú Xuân, Vinh Phú).

Phần đầu đến cuối năm 2019 có thêm từ 02-03 xã đạt chuẩn nông thôn mới (Phú Thanh, Phú Dương, Vinh Thanh) và năm 2020 có thêm 02 xã đạt chuẩn nông thôn mới (Phú Lương, Vinh Xuân)

Phần đầu đến cuối năm 2020 có 12 xã UBND tỉnh phê duyệt công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới và có thêm 05 xã đạt 18 tiêu chí (Vinh Thái, Vinh Hà, Vinh An, Phú Diên, Phú Xuân), 04 xã đạt 17 tiêu chí (Vinh Thái, Vinh Xuân, Vinh Hà, Phú Diên), 01 xã đạt 16 tiêu chí (Vinh An), 01 xã đạt 15 tiêu chí (Vinh Phú).

Từ năm 2015-2019 bằng cách huy động và lồng ghép nhiều nguồn vốn khác nhau đã tiến hành đầu tư thực hiện Chương trình trên địa bàn huyện với tổng kinh phí hơn 1.200 tỷ đồng⁽⁵⁾. Ngoài ra, các địa phương đã huy động nguồn kinh phí đóng góp từ nhân dân bằng nhiều hình thức như hiến ngày công, hiến đất, đóng góp bằng tiền và các loại tài sản khác... để xây dựng các công trình⁽⁶⁾.

4. Công tác Tài nguyên và Môi trường:

a) Công tác quản lý đất đai:

- *Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất*: Hoàn thành Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1386/QĐ-UBND ngày 08/6/2019 và Kế hoạch SDĐ hàng năm cấp huyện⁽⁷⁾. Kết quả thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất năm 2016-2019 đạt từ 80% đến 85%⁽⁸⁾

- *Giao đất*: Tiếp nhận tổng cộng 1.593 hồ sơ xin giao đất ở với diện tích 28,49 ha, trong đó: Các trường hợp đấu giá quyền sử dụng đất: 1.376 trường hợp với tổng diện tích 24,79 ha. Các trường hợp không đấu giá quyền sử dụng đất: 217 trường hợp với tổng diện tích 3,7 ha.

⁵ Trong đó: Vốn ngân sách Trung ương, tỉnh: 101,226 tỷ đồng; Vốn ngân sách huyện: 174,913 tỷ đồng; Vốn doanh nghiệp: 99,500 tỷ đồng; Vốn ngân sách địa phương+HTX: 45,686 tỷ đồng; Vốn huy động nhân dân đóng góp: 781,692 tỷ đồng.

⁶ Đã huy động: 19.689 ngày công; 19.975m² đất; 9.938 triệu đồng để xây dựng các công trình như điện, giao thông, nhà văn hóa thôn, đầu tư phát triển sản xuất...;

⁽⁷⁾ Năm 2016: Quyết định số 519/QĐ-UBND ngày 17/03/2016; Quyết định số 2958/QĐ-UBND ngày 21/11/2016; Năm 2017: Quyết định số 93/QĐ-UBND ngày 17/01/2017; Quyết định số 2594/QĐ-UBND ngày 30/11/2017; Năm 2018: Quyết định số 164/QĐ-UBND ngày 19/01/2018; Quyết định số 1664/QĐ-UBND ngày 30/7/2018; Năm 2019: Quyết định số 110/QĐ-UBND ngày 15/01/2019; Quyết định số 1276/QĐ-UBND ngày 27/5/2019; Quyết định số 1881/QĐ-UBND ngày 05/8/2019.

⁽⁸⁾ Năm 2016: Trong 32 chỉ tiêu theo kế hoạch đề ra có 17 chỉ tiêu đạt và vượt so với kế hoạch được duyệt, 13 chỉ tiêu đạt từ 75% đến dưới 100%, 02 chỉ tiêu đạt từ 50% đến dưới 75%; Năm 2017: Trong 30 chỉ tiêu theo kế hoạch đề ra có 13 chỉ tiêu đạt và vượt so với kế hoạch được duyệt, 13 chỉ tiêu đạt từ 75% đến dưới 100%, 04 chỉ tiêu đạt từ dưới 75%; Năm 2018: Trong 33 chỉ tiêu theo kế hoạch đề ra có 19 chỉ tiêu đạt và vượt so với kế hoạch được duyệt, 07 chỉ tiêu đạt từ 75% đến dưới 100%, 07 chỉ tiêu đạt từ 50% đến dưới 75%; Năm 2019 dự ước đạt 85% .

- *Thuê đất*: Quyết định cho 07 hộ gia đình, cá nhân thuê với tổng diện tích cho thuê 4,07 ha ⁽⁹⁾

- *Công tác thu hồi đất*: Thu hồi đất để thực hiện 91 công trình, dự án trên địa bàn huyện với tổng diện tích thu hồi 196,24 ha của 2.475 hộ gia đình cá nhân và 132 tổ chức ⁽¹⁰⁾; Thu hồi đất do vi phạm pháp luật đất đai: Tổng diện tích 1,99 ha trong đó tổ chức 1,37 ha và hộ gia đình, cá nhân 0,62 ha; Thu hồi đất do tự nguyện trả lại đất: Diện tích 1,07 ha.

- *Chuyển mục đích sử dụng đất*: Phê duyệt chuyển mục đích sử dụng đất hộ gia đình, cá nhân 185 trường hợp với diện tích 2,7 ha.

- *Tài chính đất*:

+ Hoàn thành Bảng giá đất 5 năm áp dụng 2015- 2019 và hoàn thiện thủ tục tham mưu đề xuất UBND tỉnh ban hành Bảng giá đất 5 năm áp dụng 2020 - 2024; Đề xuất UBND tỉnh ban hành hệ số điều chỉnh giá đất trong công tác giải phóng mặt bằng và giá đất khởi điểm để bán đấu giá, thu ngân sách đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng đảm bảo chỉ tiêu, kế hoạch hàng năm của huyện.

+ Nguồn thu từ đất đai: Đã tham mưu UBND huyện phê duyệt quy hoạch phân lô đất ở để bàn giao TT.PTQĐ bán đấu giá thu ngân sách trên địa bàn với tổng số 2016 lô. Trong đó, đã bán 1.735 lô với số tiền ước đạt 625.435.262.130 đồng.

- *Tình hình đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, lập hồ sơ địa chính, xây dựng cơ sở dữ liệu*:

+ Từ 2016 - 2019 đã cấp được 5.330 thửa, trong đó cấp lần đầu: 3.082 thửa (công nhận 1.706 thửa với diện tích 129,7 ha, đấu giá 1.376 thửa với diện tích 24,79 ha) và cấp đổi: 2.248 thửa với diện tích 146,2 ha. Lũy kế đến nay đã cấp được 77.966 thửa với diện tích 10.128,51 ha, đạt tỷ lệ 99,48 % các loại đất trên địa bàn huyện. Trong đó: Đất ở 37.696 thửa với tổng diện tích 2.920,99 ha; Đất sản xuất nông nghiệp 37.322 thửa với tổng diện tích 6.288,48 ha; Đất nuôi trồng thủy sản 1.066 thửa với tổng diện tích 648,4 ha; Đất lâm nghiệp 08 thửa với tổng diện tích 90.26 ha, đất tín ngưỡng 1.766 thửa với tổng diện tích 155,28 ha; đất tôn giáo 108 thửa với tổng diện tích 25,1 ha.

+ Kết quả xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính trên địa bàn huyện cần phải kê khai, đăng ký, đo đạc chỉnh lý bản đồ địa chính 130.230 thửa trong đó có 102.578 thửa đã kê khai đạt tỷ lệ 78,77%.

- *Công tác thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo*:

+ *Công tác thanh, kiểm tra*: Đã phối hợp tham gia 09 đoàn thành tra việc chấp hành pháp luật về quản lý và sử dụng đất đai ⁽¹¹⁾; Thành lập 05 Đoàn kiểm tra về tình hình quản lý sử dụng đất công ích tại các xã trên địa bàn huyện; tình trạng bao

⁽⁹⁾ Cơ sở chăn nuôi Heo – Vinh Thái; 02 Cơ sở nuôi tôm – Vinh An; 02 Cơ sở đóng tàu thuyền – TT Thuận An; Trang trại chăn nuôi – Phú Hồ; Cơ sở dịch vụ - Phú Mậu.

⁽¹⁰⁾ Năm 2016: Đã tổ chức thực hiện 28 dự án với tổng diện tích thu hồi đất để thực hiện các dự án là 42,5 ha đất; Năm 2017: Đã tổ chức thực hiện 21 dự án với tổng diện tích thu hồi đất để thực hiện các dự án là 21,3 ha đất; Năm 2018: Đã tổ chức thực hiện 32 dự án với tổng diện tích thu hồi đất để thực hiện các dự án là 77,98 ha đất; Năm 2019: Đã tổ chức thực hiện 10 dự án với tổng diện tích thu hồi đất để thực hiện các dự án là 30,20 ha đất.

⁽¹¹⁾ Đã thanh tra tại các xã Phú Thanh, Phú Mậu, Phú Mỹ, Phú Thuận, Vinh Xuân, Phú Dương, Vinh Thái, Phú Diên và Thị trấn Phú Đa.

chiếm làm nghĩa địa, khai thác cát sỏi tại xã Phú Xuân và theo đơn tố cáo của công dân⁽¹²⁾.

+ Công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo: Đã tiếp nhận 193 đơn; trong đó có 69 đơn thuộc thẩm quyền (đã giải quyết 67 đơn; 02 đơn đang kiểm tra, xác minh) và chuyển 124 đơn không thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND huyện đến các cơ quan, các xã, thị trấn để giải quyết theo quy định.

b) Công tác Bảo vệ môi trường: Đề nâng cao nhận thức của cộng đồng về Bảo vệ Môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu và giảm nhẹ rủi ro thiên tai; Hàng năm, phòng đã phối hợp với các phòng, ban chuyên môn của sở Tài nguyên – Môi trường, của Huyện và UBND các xã, thị trấn tổ chức các lớp tuyên truyền, tập huấn nâng cao nhận thức của cộng đồng về bảo vệ môi trường và ứng phó biến đổi khí hậu; Tuyên truyền, phổ biến các văn bản quy phạm pháp luật về bảo vệ môi trường như Luật bảo vệ môi trường và các văn bản hướng dẫn thi hành đặc biệt nhấn mạnh hành vi vi phạm về môi trường, hành vi xả thải chất thải chưa qua xử lý vào môi trường như rác thải, nước thải, ...⁽¹³⁾

c) Công tác thu gom, xử lý rác thải:

Để hoàn thành các chỉ tiêu về công tác thu gom, xử lý rác thải theo Nghị quyết đề ra. Ngày từ đầu năm 2016, Phòng đã tham mưu UBND huyện xây dựng Đề án tổ chức thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải và đã được UBND huyện phê duyệt theo Quyết định số 2836/QĐ-UBND ngày 22/8/2016 để triển khai thực hiện. Cuối năm 2015 có 10 xã, thị trấn triển khai công tác thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải và thu phí VSMT thường xuyên, tỷ lệ rác thải được thu gom xử lý đạt 60% đến nay có 20/20 xã, thị trấn thực hiện, tỷ lệ rác thải được thu gom xử lý đạt 83%⁽¹⁴⁾, dự kiến đến 2020 đạt tỷ lệ 88% (Vượt chỉ tiêu Nghị quyết nhiệm kỳ 2016-2020: 88%/70%)

d) Công tác quản lý tài nguyên khoáng sản:

Phòng đã phối hợp với Phòng Khoáng sản - Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh điều tra, khảo sát lập quy hoạch quản lý khoáng sản trên địa bàn đồng. Đề xuất UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường không gia hạn, thu hồi giấy phép khai thác cát tại mỏ cát Diên Đại, xã Phú Xuân của Công ty cổ phần Trường An.

- Đã di dời, giải tỏa các bãi tập kết cát, sỏi không phù hợp quy hoạch tại các xã Phú Thượng, Phú Mậu và Phú Thanh. Đầu tư hạ tầng, tổ chức đấu giá đưa công tác kinh doanh cát, sỏi đi vào nề nếp⁽¹⁵⁾.

e) Công tác thẩm định cấp giấy xác nhận đăng ký kế hoạch BVMT và thanh kiểm tra xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường, khoáng sản:

⁽¹²⁾ Năm 2016: Kiểm tra chấn chỉnh tình trạng bao chiếm làm nghĩa địa và khai thác cát trái phép tại xã Phú Xuân; Năm 2017: Kiểm tra theo đơn tố cáo công dân tại xã Phú Xuân; Năm 2018: Kiểm tra tình hình quản lý sử dụng đất công ích và xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai tại xã Phú Thượng, Phú Hải và Phú Diên. Năm 2019: Kiểm tra lấn chiếm, bao chiếm tại xã Phú Xuân; Kiểm tra hồ sơ cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất ông Nguyễn Ngọc Lương – Phú Diên.

⁽¹³⁾ Từ năm 2016-2019: Đã tổ chức 54 lớp tuyên truyền, tập huấn về công tác bảo vệ môi trường cho người dân trên địa bàn với hơn 3.200 lượt người tham gia; trong đó năm 2017-2018 đã phối hợp với Ban thực hiện dự án Luxembua tổ chức 30 lớp tuyên truyền về biến đổi khí hậu và tập huấn kỹ năng ứng phó thiên tai cho người dân ở khu vực thấp trũng ven biển và đầm phá.

⁽¹⁴⁾ Đầu năm 2016 có 10 xã, thị trấn thực hiện công tác thu gom, xử lý rác thải và thu phí VSMT thường xuyên gồm Phú Thượng, Phú Mỹ, Phú Dương, Phú Mậu, Phú Thuận, Phú Hải, Phú Diên, Vinh Thanh, thị trấn Thuận An và thị trấn Phú Đa. Có bao nhiêu

⁽¹⁵⁾ Đã di dời, giải tỏa 8 bãi tập kết cát, sỏi không phù hợp quy hoạch trên địa bàn (Phú Thượng 6 điểm bãi và Phú Thanh 02 điểm bãi); Đầu tư hạ tầng, tổ chức đấu giá quyền kinh doanh cát, sỏi phù hợp theo quy hoạch của tỉnh (Phú Thanh 6 điểm bãi và Phú Mậu 01 điểm bãi)

- Đã thẩm định tham mưu UBND cấp 58 giấy xác nhận Kế hoạch BVMT cho các cơ sở sản xuất trên địa bàn. Lũy kế đến nay đã cấp 212 giấy xác nhận đạt tỷ lệ 90 số cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn đã hoàn thiện các thủ tục về bảo vệ môi trường theo quy định.

- Tham mưu UBND huyện thành lập Đoàn kiểm tra liên ngành để kiểm tra, xử lý các tổ chức, cá nhân vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường khoáng sản. Từ năm 2016 đến nay, phòng đã tham mưu UBND huyện và hướng dẫn UBND các xã, thị trấn xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường và khoáng sản 211 tổ chức, cá nhân vi phạm với số tiền nộp phạt hơn 512.100.000 đồng.

f) Ngăn chặn, diệt trừ sinh vật ngoại lai:

Phối hợp với UBND các xã, thị trấn tổ chức cá hoạt động diệt trừ sinh vật ngoại lai như cây Mai dương, bèo tây,... đến nay đã chặt, đốt hàng chục ha đất có cây mai dương và hàng ngàn m² bèo tây trên các sông, hói huy động hơn 10.000 lượt người tham gia.

g) Ứng phó biến đổi khí hậu, giảm nhẹ rủi ro thiên tai:

Tham mưu UBND huyện ban hành Đề án ứng phó biến đổi khí hậu, giảm nhẹ rủi ro thiên tai trên địa bàn. Đồng thời phối hợp với các phòng ban chức năng khảo sát, quy hoạch di dời và tái định cư cho 60 hộ sạt lở ven biển, đằm phá, khu vực thấp trũng trên địa bàn huyện.

1.3. Những việc tồn tại qua nhiều thời kỳ đã được xử lý.

- Đến nay, đã tổ chức thực hiện quyết định truy thu chênh lệch tiền sử dụng đất tại xã Phú Thượng 97 trường hợp với tổng số tiền truy thu được là 4.903.585.500 đồng/10.522.666.000 đồng phải thu, đạt tỷ lệ 46,60 %.

- Xử lý sau thanh tra 153/181 trường hợp tại xã Phú Hồ.

- Xử lý 47 trường hợp lấn chiếm, giao đất trái thẩm quyền trước năm 2004 tại xã Vinh Thái.

- Đã tổ chức triển khai thực hiện theo kết luận số 12/BC-ĐKTLN ngày 30/7/2018 của Đoàn Kiểm tra liên ngành về việc báo cáo kết quả kiểm tra, rà soát quá trình quản lý, sử dụng đất của 94 trường hợp lấn chiếm đất đai ven phá Tam Giang tại xã Phú Thuận, Phú Hải, Phú Diên và 10 trường hợp giao đất ở tái định cư không đúng thẩm quyền tại xã Phú Dương, huyện Phú Vang.

- Đề xuất thu hồi đất 02 trường hợp cho thuê đất không sử dụng (Công ty TNHH một thành viên Dịch vụ và Địa ốc Phú Thành Đạt thuê 30.000 m² để xây dựng trang trại Nông lâm kết hợp tại xã Phú Hồ, huyện Phú Vang và Công ty TNHH Liên Thành thuê 1710,4 m² để xây dựng cơ sở trưng bày sản xuất hàng mốt mỹ nghệ xuất khẩu và dân dụng tại xã Vinh Thái, huyện Phú Vang).

- Tham mưu UBND huyện xây dựng Phương án 750,751 về việc quản lý đất mặt nước hạ triều và đất công ích.

5. Tài chính tín dụng:

a) Tài chính ngân sách:

* Thu ngân sách trên địa bàn (không tính thu bổ sung từ cấp trên, chuyển nguồn và kết dư ngân sách) tăng trưởng với tỷ lệ khá cao, tốc độ tăng trưởng 5 năm đạt 31,08%, bình quân trên 265 tỷ đồng/năm (Trong đó: Tiền cấp quyền sử dụng đất trên 160 tỷ đồng).

Cơ cấu các khoản thu từ thuế, các loại phí và nguồn thu khác (không tính thu cấp quyền sử dụng đất) đã từng bước vững chắc, ổn định hơn và có tốc độ tăng trưởng bình quân 14,17%, đạt chỉ tiêu Nghị quyết (13-15%). Trong đó, một số nguồn thu chủ yếu như sau:

- Thu ngoài quốc doanh bình quân tăng 6,28%, từ 32,442 tỷ đồng năm 2015 lên 44 tỷ đồng ước thực hiện năm 2020.

- Lệ phí trước bạ bình quân hàng năm tăng 17,31%, từ 9,9 tỷ đồng năm 2015 lên 22 tỷ đồng ước thực hiện năm 2020.

- Thu phí, lệ phí bình quân hàng năm tăng 13,73%, từ 2,48 tỷ đồng năm 2015 lên 4,72 tỷ đồng ước thực hiện năm 2020.

- Thu cấp quyền sử dụng đất hàng năm tăng bình quân 25,21%, từ 65 tỷ đồng năm 2015 lên 200 tỷ đồng ước thực hiện năm 2020.

- * Tổng chi ngân sách huyện hàng năm bình quân đạt 960 tỷ đồng. Chi đầu tư phát triển bình quân đạt 146 tỷ đồng, tăng từ 116 tỷ đồng năm 2015 lên 172 tỷ đồng năm 2020; chi thường xuyên bình quân hàng năm đạt 814,8 tỷ đồng, tăng từ 665 tỷ đồng năm 2015 lên 900 tỷ đồng ước thực hiện năm 2020.

b) Hoạt động tín dụng-ngân hàng có nhiều chuyển biến tích cực, tổng nguồn vốn huy động của các chi nhánh ngân hàng đóng trên địa bàn huyện đạt trên 858,3 tỷ đồng, Trong đó: lượng tiền mặt huy động từ tiền gửi tiết kiệm và kỳ phiếu chiếm 90%. Doanh số cho vay ngày càng tăng từ 358 tỷ đồng đồng năm 2016 lên 592 tỷ đồng năm 2020.

c) Đầu tư toàn xã hội: Đã từng bước cải thiện môi trường đầu tư để thu hút các nguồn lực đầu tư bên ngoài, tranh thủ các nguồn vốn của Trung ương, của Tỉnh, của huyện. Tổng vốn đầu tư toàn xã hội (giai đoạn 2016-2020) ước đạt 11.417 tỷ đồng, tăng bình quân 16,5%/năm, trong đó vốn Ngân sách Nhà nước 3.080 tỷ đồng, chiếm 26,97%; vốn đầu tư của doanh nghiệp 2.956 tỷ đồng, chiếm 25,89%; vốn dân cư 5.243 tỷ đồng, chiếm 45,92%; vốn đầu tư trực tiếp từ nước ngoài và vốn khác 138 tỷ đồng, chiếm 1,2%.

II. VỀ VĂN HOÁ - XÃ HỘI:

1. Giáo dục- đào tạo: Thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ XIV Đảng bộ huyện Phú Vang, ngày 25/7/2015 của Đảng bộ huyện Phú Vang về các chỉ tiêu của chương trình kinh tế - xã hội trọng điểm trong những năm qua.

Về chất lượng giáo dục ở các cấp, bậc học đã hoàn thành chương trình giảng dạy của năm học 2018-2019. Hoàn thành Chương trình bậc Tiểu học và Tốt nghiệp Trung học cơ sở đạt tỷ lệ 100%. Tổ chức và tìm các giải pháp phù hợp để khắc phục khó khăn, nâng cao chất lượng dạy và học. Phối hợp và vận động các đoàn thể hỗ trợ về vật chất, tinh thần cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn; nhà trường phụ đạo học sinh yếu nhằm giảm tỷ lệ học sinh bỏ học, lưu ban và vận động học sinh bỏ học trở lại trường.

Công tác Giáo dục thường xuyên: hiện nay có 100% xã, thị trấn đạt chuẩn phổ cập giáo dục Mầm non 5 tuổi, phổ cập giáo dục Tiểu học mức độ 3, phổ cập giáo dục THCS mức độ 2, Xóa mù chữ mức độ 2. Trường chuẩn Quốc gia: hiện có 55/77 trường đạt chuẩn Quốc gia, đạt tỷ lệ: 71,43% (MN: 11 trường, TH: 28 trường, THCS: 16 trường. Trong đó, có 01 trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ 2). Phấn đấu đến cuối năm 2019 có thêm 04 trường đạt chuẩn, nâng tổng số trường đạt chuẩn Quốc gia lên 59/77 trường, đạt tỷ lệ 76,62%; kiểm định chất lượng có 67/77 trường,

đạt tỉ lệ 87.1% và nâng cao tỷ lệ lớp học 2 buổi/ngày (MN: 100%, TH: 80,3%, THCS: 31,36%).

2. Về công tác y tế, dân số: Công tác y tế, dân số có nhiều tiến bộ, việc chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân được quan tâm đúng mức, đảm bảo mọi người dân đều được hưởng các dịch vụ y tế và từng bước tiếp cận các dịch vụ kỹ thuật cao. Chủ động kiểm soát và khống chế các dịch bệnh nguy hiểm, hạn chế tới mức thấp nhất tỷ lệ mắc và tử vong. Hoàn chỉnh mạng lưới y tế từ huyện đến xã, thị trấn.

Trong nhiệm kỳ qua, Phòng y tế đã phối hợp chặt chẽ với Trung tâm Y tế huyện và các ban ngành có liên quan tham mưu cho UBND huyện tổ chức hội nghị phòng chống dịch bệnh và kiện toàn ban chỉ đạo phòng chống dịch trên địa bàn. Phối hợp tổ chức hội nghị phòng chống dịch SXH, cúm gia cầm, tay chân miệng... Tổ chức nhiều đợt đi kiểm tra VSMT và vệ sinh ở các Trường học. Chủ động giám sát các dịch bệnh Cúm A(H7N9) và Cúm A(H5N1).

Đầu tư mở rộng bệnh viện huyện. Các phòng khám Đa khoa tiếp tục duy trì các hoạt động có hiệu quả, hoạt động các phòng khám ngày càng được nâng cao, số lượng bệnh nhân đến khám và điều trị ngày càng tăng, giải quyết được tình trạng vượt tuyến, giảm chi phí điều trị cho bệnh nhân. Công suất sử dụng giường bệnh hàng năm từ 170% đến 200%. 100% trạm y tế xã, thị trấn được công nhận đạt chuẩn quốc gia về y tế giai đoạn 2011-2020 và xã đạt chuẩn tiên tiến về y học cổ truyền. Các trạm y tế xã, thị trấn tiếp tục thực hiện có hiệu quả công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân, tổng số khám bệnh tại trạm y tế xã chiếm 50% tổng số khám chữa bệnh toàn huyện, giảm tải cho tuyến trên, giảm chi phí điều trị cho nhân dân.

Công tác quản lý Nhà nước về lĩnh vực y tế được quan tâm. Bước đầu chấn chỉnh và giúp người dân thực hiện công tác đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, hành nghề y được tự nhân. Công tác xã hội hóa Y tế trên địa bàn ngày càng được quan tâm, góp phần vào việc chăm sóc sức khỏe nhân dân trên địa bàn.

Công tác truyền thông dân số và các dịch vụ về chăm sóc SKSS và KHHGD được đầu tư củng cố và phát triển, 100% bà mẹ mang thai được quản lý, tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng giảm xuống còn 9,0% năm 2019; tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ đạt 99%; tỷ lệ tăng dân số tự nhiên còn 1,04%.

3. Về khoa học - công nghệ: Hoạt động khoa học công nghệ có nhiều tiến bộ, đã tích cực triển khai ứng dụng các tiến bộ KHKT phục vụ cho phát triển sản xuất nông - lâm - ngư nghiệp, các sản phẩm mới và bảo vệ môi trường; đáp ứng được một phần đòi hỏi của thực tiễn sản xuất và đời sống, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế, xã hội trên địa bàn, góp phần đẩy nhanh tốc độ phát triển kinh tế - xã hội.

Thông qua việc triển khai thực hiện các đề tài, dự án, mô hình khoa học công nghệ và tổ chức các lớp tập huấn, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật vào thực tiễn đời sống và sản xuất nên cơ bản đã nâng cao được nhận thức của người dân trong việc ứng dụng KHCN nhằm nâng cao năng suất cũng như chất lượng sản phẩm. Ứng dụng chuyển đổi một số cây trồng, vật nuôi không hiệu quả tại một số địa bàn sang cây trồng, vật nuôi khác có hiệu quả kinh tế cao, áp dụng các tiến bộ KHCN vào thâm canh, phòng trừ sâu hại, dịch bệnh cho cây trồng, vật nuôi.

4. Về giải quyết việc làm, đào tạo nghề, xuất khẩu lao động; chế độ chính sách có công, chính sách xã hội; chương trình giảm nghèo và công tác bảo vệ chăm sóc trẻ em:

**Về chương trình tạo việc làm mới, đào tạo nghề và xuất khẩu lao động:*

Chương trình tạo việc làm mới, đào tạo nghề và XKLD được Huyện ủy, HĐND&UBND huyện xem là một trong những nhiệm vụ quan trọng của chương trình phát triển kinh tế - xã hội của huyện nhà. Với sự nỗ lực của các ban ngành, đoàn thể cấp huyện và UBND các xã, thị trấn nên công tác giải quyết việc làm, đào tạo nghề và xuất khẩu lao động đã đạt được những kết quả cụ thể như sau:

Trong giai đoạn 2016-2020 các xã, thị trấn đã tạo việc làm mới cho 22.405/20.500 lao động, đạt 109,3% kế hoạch; đồng thời, phối hợp với các đơn vị dạy nghề, các doanh nghiệp, các cơ sở sản xuất trong và ngoài huyện tổ chức đào tạo nghề cho 14.483/12.500 lao động đạt 115,9% kế hoạch, với các nghề như: may công nghiệp, may dân dụng, đan ghê nhựa, mộc mỹ nghệ, kỹ thuật chế biến món ăn, kỹ thuật trồng cây cảnh, kỹ thuật nuôi trồng thủy sản, sửa chữa máy nổ, lái xe, cơ khí và các ngành nghề phổ thông . Toàn huyện có 947/750 lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài, đạt 126,3% kế hoạch. Tổ chức 5 phiên giao dịch việc làm, tuyển sinh học nghề với 1.500 lượt người tham gia, trong đó có 303 lao động tìm được việc làm ổn định ở các công ty, các doanh nghiệp.

Chính nhờ làm tốt công tác đào tạo nghề, giải quyết việc làm, xuất khẩu lao động nên tỷ lệ hộ nghèo trên địa bàn huyện cuối năm 2015 chiếm tỷ lệ 8,32%, đến cuối năm 2020 giảm còn dưới 5%. Tỷ lệ lao động qua đào tạo trên địa bàn huyện từ 50,4% năm 2015, tăng lên 65,2% cuối năm 2020.

***Về chính sách có công:** Nhân dịp Lễ, Tết, ngày Thương binh – Liệt sĩ hàng năm, đã tham mưu UBND huyện chỉ đạo, hướng dẫn các xã, thị trấn tổ chức thăm hỏi, gặp mặt và tặng trên 45.000 suất quà của Chủ tịch nước, Lãnh đạo tỉnh, Lãnh đạo huyện cho các đối tượng chính sách có công với số tiền trên 10 tỷ đồng.

Tham mưu UBND huyện trích từ Quỹ Đền ơn, đáp nghĩa của huyện để hỗ trợ xây dựng, sửa chữa 70 ngôi nhà cho các hộ gia đình chính sách đang gặp khó khăn về nhà ở với số tiền trên 2 tỷ đồng. Tổ chức đưa 1.380 lượt đối tượng thương binh, bệnh binh, thân nhân gia đình liệt sĩ, người có công cách mạng đi điều dưỡng tập trung tại Trung tâm điều dưỡng, chăm sóc người có công của tỉnh và cấp tiền điều dưỡng tại gia đình cho 1.600 lượt đối tượng chính sách có công với số tiền trên 1.776 triệu đồng. Cấp tiền mai táng phí cho 485 đối tượng có công qua đời với số tiền trên 9 tỷ đồng.

Đề nghị Nhà nước xét tặng và truy tặng danh hiệu Nhà nước “Bà mẹ Việt Nam anh hùng” cho 194 mẹ; 13 gia đình được tặng huân chương độc lập.

Cấp thẻ BHYT cho đối tượng chính sách có công, đối tượng 290, đối tượng 62 và Cựu chiến binh. Đặc biệt, công tác chi trả hàng tháng cho đối tượng chính sách có công được thực hiện thường xuyên, kịp thời và chính xác cho các đối tượng.

Đã phối hợp với các ban, ngành đoàn thể, Ban Trị sự Hội Phật giáo huyện tham mưu UBND huyện tổ chức thành công Đại Lễ cầu siêu các anh hùng liệt sĩ tại nghĩa trang liệt sĩ huyện nhân kỷ niệm 70 năm ngày Thương binh – Liệt sĩ (27/7/1947-27/7/2017). Tiến hành duy tu, nâng cấp, sửa chữa nghĩa trang liệt sĩ huyện, nghĩa trang liệt sĩ các xã, thị trấn.

***Chính sách xã hội:**

Tham mưu UBND huyện và hướng dẫn các xã, thị trấn tổ chức thăm và tặng trên 55.000 suất quà với số tiền trên 12 tỷ đồng cho đối tượng bảo trợ xã hội, hộ nghèo nhân dịp Tết Nguyên Đán hàng năm. Cấp quà mừng thọ cho 1.500 cụ tròn

90, 100 tuổi với số tiền trên 600 triệu đồng. Ngoài ra, các cụ 100 tuổi được tặng thêm 5 mét lụa điều.

Ban hành 2.850 quyết định hưởng chế độ trợ cấp hàng tháng cho đối tượng bảo trợ xã hội; Đồng thời chi trả chế độ mai táng cho 1.900 đối tượng bảo trợ xã hội qua đời với số tiền trên 10,26 tỷ đồng. Cấp 29.275 thẻ BHYT cho đối tượng bảo trợ xã hội.

Tổ chức tiếp nhận 1.980 tấn gạo từ các nguồn hỗ trợ để phân bổ cho các xã, thị trấn cấp cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ có hoàn cảnh đặc biệt gặp khó khăn, các hộ bị ảnh hưởng bởi sự cố môi trường biển.

Tiến hành thẩm định hồ sơ và chi trả tiền hỗ trợ học phí cho trên 1.000 sinh viên; hỗ trợ chi phí đào tạo nghề nghiệp cho gần 1.000 học viên thuộc hộ gia đình bị thiệt hại do sự cố môi trường biển với tổng số tiền trên 20 tỷ đồng.

***Công tác phòng chống tệ nạn xã hội:** Tổ chức tập huấn cho hơn 1.500 lượt cán bộ các xã, thị trấn, các cơ quan đóng trên địa bàn huyện tìm hiểu, trao đổi các chuyên đề về phòng, chống ma túy, mai dâm và cai nghiện phục hồi tại gia đình và cộng đồng; thực trạng, nguyên nhân tệ nạn mai dâm; nội dung, biện pháp phối hợp thực hiện phòng chống tệ nạn mai dâm hiện nay; một số vấn đề pháp lý về các tội ma túy, mai dâm và các văn bản chỉ đạo của Trung ương, của tỉnh về phòng chống tệ nạn ma túy, mai dâm. Hằng năm, đã tổ chức kiểm tra, đánh giá, các xã, thị trấn đều được công nhận là xã thị trấn lành mạnh không có tệ nạn ma túy, mai dâm.

***Công tác bảo vệ và chăm sóc trẻ em:** Công tác bảo vệ và chăm sóc trẻ em đã được các cấp ủy Đảng, Chính quyền quan tâm, các ban ngành, đoàn thể phối hợp, các tầng lớp nhân dân và gia đình quan tâm thực hiện và đạt nhiều kết quả quan trọng. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng giảm dần hàng năm từ 12% năm 2015 đến nay còn 9%. Đã có trên 97,5% số trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được chăm sóc, giúp đỡ. Đã cấp 732 suất học bổng, 25 chiếc xe đạp cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, học sinh vùng ngập lụt với số tiền trên 2 tỷ đồng. Tổ chức phát 8.000 suất quà cho các cháu thiếu nhi nhân Ngày quốc tế thiếu nhi 01/6 và Tết Trung thu hàng năm với số tiền trên 200 triệu đồng. Phối hợp với các tổ chức chính trị xã hội, các nhà hảo tâm đã tổ chức khám sàng lọc bệnh miễn phí cho 500 lượt trẻ em bị các loại khuyết tật. Đến cuối năm 2015, 20/20 xã, thị trấn được công nhận đạt tiêu chuẩn xã, thị trấn phù hợp với trẻ em theo Quyết định 34/2014/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

5. Hoạt động Văn hóa , Thông tin, thể thao và du lịch: Nhiều hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao có quy mô lớn và chất lượng đã được tổ chức, góp phần vào thực hiện thành công các nhiệm vụ chính trị, các sự kiện quan trọng, các ngày lễ lớn của quê hương, đất nước; xây dựng đời sống văn hóa tinh thần phong phú, lành mạnh, thúc đẩy thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế, dịch vụ du lịch...

Công tác thông tin tuyên truyền tiếp tục được quan tâm, có sự phối hợp với các ban ngành trong quá trình triển khai thực hiện. Công tác xây dựng đời sống văn hóa cơ sở có bước phát triển mới, làm cho đời sống văn hóa tinh thần của nhân dân được nâng lên, phong trào “TĐĐKXDĐSVH” tiếp tục được duy trì, củng cố và phát triển có chiều sâu, tình làng nghĩa xóm được giữ gìn và phát huy. Các tệ nạn xã hội từng bước được đẩy lùi, các giá trị văn hóa truyền thống tại các địa phương từng bước được bảo tồn và phát huy. Các dịch vụ văn hóa được chú trọng quản lý và khai thác tốt..

Đến nay trên địa bàn huyện đã có 100% làng, thôn, TDP đăng ký xây dựng đơn vị văn hóa; đã có hơn 98% làng, thôn, TDP đạt chuẩn văn hóa lần đầu; có 02 thôn, TDP chưa được công nhận, chiếm tỷ lệ gần 2%; có 38.499 hộ đạt gia đình văn hóa/ 39.973 hộ đăng ký gia đình văn hóa, đạt tỷ lệ 90,3%; 77 trường học đạt chuẩn văn hóa lần đầu/81 trường học đăng ký xây dựng đơn vị văn hóa; 42 cơ quan đạt chuẩn văn hóa lần đầu; hiện nay hầu hết các cơ quan, đơn vị trên địa bàn huyện đã đăng kí và đạt chuẩn văn hóa lần đầu. Đã có 6 địa phương đạt chuẩn xã văn hóa nông thôn mới, đô thị văn minh(xã Phú Thượng, Phú Mậu, Phú Mỹ, Phú Hải, Phú Thuận và TTT An).

Các hoạt động thể dục thể thao diễn ra sôi nổi trong các ngày lễ lớn, các giải thể thao truyền thống được duy trì và mở rộng về quy mô tổ chức; người dân và các Hộ gia đình tập thể thao không ngừng phát triển. Phối hợp với UBND xã Phú Mậu tổ chức thành công trong lễ hội vật võ truyền thống làng Sinh; lễ hội cầu Ngư, thị trấn Thuận An; lễ hội Festival” Thuận An biển gọi”...

Hoạt động du lịch và các dịch vụ du lịch tiếp tục có bước phát triển. Công tác tuyên truyền, quảng bá được chú trọng theo hướng nâng cao chất lượng; Đã kêu gọi, huy động các nguồn lực đầu tư các khu du lịch, dịch vụ, giải trí có quy mô, nâng cấp các kết cấu hạ tầng; từng bước hình thành các trung tâm văn hóa du lịch, vui chơi giải trí; nhiều công trình khách sạn, nhà hàng, nhà nghỉ dưỡng được đầu tư khai thác; hiện nay trên địa bàn huyện có 76 cơ sở lưu trú, trong đó có: 08 khu resort, khách sạn, 02 nhà khách, 61 nhà nghỉ và 05 hộ homestay, gồm 553 phòng và 720 giường. Số lượng khách ước đạt bình quân trong năm khoảng 845.000 lượt khách.

6. Công tác thanh tra, tiếp dân, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo; phòng chống tham nhũng, lãng phí:

Công tác thanh tra:

Trong 5 năm (2015-2020), đã triển khai và hoàn thành 26 cuộc thanh tra tại 30 đơn vị (Theo kế hoạch 20 cuộc và đột xuất 06 cuộc). Qua thanh tra đã phát hiện sai phạm và kiến nghị thu hồi số tiền 4.073.852.001 đồng (nộp ngân sách nhà nước 3.589.413.066 đồng, xử lý khác 484.438.935 đồng); đưa 163,384 ha đất công ích vào quản lý theo đúng quy định; kiểm điểm trách nhiệm các cá nhân có liên quan; chuyển 02 vụ sang Cơ quan Cảnh sát điều tra để giải quyết theo quy định của pháp luật. Xử lý kỷ luật 28 cán bộ có liên quan: xử lý kỷ luật về Đảng 22 cán bộ (*khiển trách: 12, cảnh cáo: 06, cách chức: 01, khai trừ: 03*); kỷ luật Nhà nước 14 cán bộ (*khiển trách: 04, cảnh cáo 07, giáng chức: 02, buộc thôi việc: 01*); xử lý hình sự: 03 cán bộ.

Công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo:

-Công tác tiếp công dân:

Lãnh đạo UBND huyện phối hợp với Thường trực HĐND huyện tổ chức 122 đợt tiếp công dân định kỳ tại các xã, thị trấn và tại trụ sở Tiếp công dân huyện. Qua các buổi tiếp có 49 công dân đến kiến nghị tập trung vào các vấn đề về: giải quyết cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giao đất làm nhà ở, giải quyết chế độ chính sách cho người có công, bồi thường hỗ trợ thiệt hại do sự cố môi trường biển, đền bù thu hồi đất... Tại các buổi tiếp dân, lãnh đạo huyện đã tiếp thu và trực tiếp trả lời những kiến nghị của công dân. Đồng thời chỉ đạo các cơ quan liên quan, UBND các xã, thị trấn kiểm tra, rà soát để xem xét giải quyết, trả lời cho công dân biết theo đúng quy định.

-Tiếp nhận, phân loại, xử lý đơn thư:

Trong 5 năm, UBND huyện đã tiếp nhận 454 đơn. Trong đó, có 375 đơn không thuộc thẩm quyền và 79 đơn thuộc thẩm quyền của UBND huyện (Khiếu nại: 06, tố cáo: 03; kiến nghị phản ánh: 70).

** Kết quả giải quyết:*

Trong 5 năm, công tác giải quyết khiếu nại tố cáo đã có những chuyển biến tích cực, các cấp ủy chính quyền đã quan tâm, lãnh chỉ đạo chú trọng công tác đối thoại hòa giải, giải quyết thấu tình đạt lý, giải quyết dứt điểm các đơn thư tồn đọng kéo dài, phức tạp và các đơn thư mới phát sinh theo quy định của pháp luật. Đã giải quyết 449/454 đơn, đạt 98,90%. Thu hồi ha đất, đã chuyển cơ quan điều tra 01 vụ có dấu hiệu vi phạm pháp luật và đang được cơ quan điều tra thụ lý giải quyết.

Công tác phòng, chống tham nhũng:

Các cấp ủy chính quyền đã quan tâm triển khai, tuyên truyền các chủ trương, chính sách của Đảng và nhà nước về công tác phòng, chống tham nhũng, công khai minh bạch trên các lĩnh vực; Thực hiện việc công khai, minh bạch trong hoạt động của cơ quan, đơn vị địa phương mình nhằm ngăn ngừa, hạn chế hành vi tham nhũng có thể xảy ra như: Công khai các thủ tục hành chính, công khai việc phân bổ, sử dụng ngân sách nhà nước, công khai mua sắm tài sản, sử dụng trang thiết bị làm việc... Việc thực hiện các quy định về công khai, minh bạch trong hoạt động đã được các đơn vị, địa phương quan tâm thực hiện tốt, đặc biệt là công khai các thủ tục hành chính của các lĩnh vực, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, tổ chức, cá nhân thực hiện các giao dịch hành chính, hạn chế tiêu cực, tham nhũng nảy sinh. Qua thẩm tra quyết toán, đã thu hồi nộp ngân sách nhà nước 11,402 tỷ đồng. Qua công tác đấu thầu, chỉ định thầu đã tiết kiệm được 7,391 tỷ đồng; thẩm tra báo cáo kinh tế kỹ đã giảm trừ so với đề nghị của chủ đầu tư tiết kiệm cho ngân sách nhà nước 1,1 tỷ đồng. Đã chuyển đổi vị trí công tác đối với 108 cán bộ, công chức, viên chức. Đã triển khai thực hiện việc kê khai tài sản, thu nhập hàng năm, đạt tỷ lệ 100%. Đã xử lý 02 trường hợp người đứng đầu để xảy ra tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị do mình quản lý phụ trách. Đã có 139/142 đơn vị thuộc kho bạc nhà nước huyện Phú Vang thực hiện việc trả lương cho cán bộ, công chức, viên chức qua tài khoản ATM, đạt tỷ lệ 97,98%. Tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra để ngăn ngừa và xử lý nghiêm cán bộ, đảng viên vi phạm pháp luật. Đã chuyển 02 vụ sang Cơ quan Cảnh sát điều tra để giải quyết theo quy định của pháp luật.

7. Công tác tư pháp:

- **Công tác Hộ tịch, chứng thực:** Trong 5 năm qua công tác Hộ tịch, Chứng thực đã có nhiều chuyển biến tích cực, các yêu cầu về Hộ tịch, Chứng thực của người dân được thực hiện nhanh chóng, kịp thời theo quy định của Luật Hộ tịch, Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính Phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng giao dịch, góp phần vào công tác cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả của bộ máy Nhà nước ở địa phương. Đối với công tác hộ tịch, đã giải quyết 32.539 trường hợp (Cấp huyện: 1.728 trường hợp; Cấp xã: 30.811 trường hợp. Công tác Chứng thực: đã giải quyết 422.191 trường hợp (Cấp huyện: 10.062 trường hợp; cấp xã: 412.129 trường hợp);

- **Công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật:** đã tổ chức Hội nghị triển khai trên 100 văn bản Luật, gồm các Bộ luật, Luật, và nhiều văn bản dưới Luật cho các thành phần chủ chốt là Thủ trưởng các cơ quan ban, ngành, đoàn thể cấp

huyện và các xã, thị trấn bằng nhiều hình thức đa dạng phong phú. Đã tổ chức thành công Hội thi “Chủ tịch xã với pháp luật lần thứ II”, qua cuộc thi đã góp phần nâng cao kiến thức pháp luật, đồng thời đánh giá được trình độ hiểu biết pháp luật của đội ngũ lãnh đạo ở cơ sở. Ngoài ra, triển khai các nội dung Công ước quốc tế mà Việt Nam tham gia, nhất là Đề án 452 về “*Đẩy mạnh phổ biến nội dung cơ bản của Công ước quốc tế về các quyền dân sự, chính trị và pháp luật Việt Nam về các quyền dân sự, chính trị cho cán bộ, công chức, viên chức và nhân dân, giai đoạn 2015- 2020*”; ...

- **Công tác xây dựng xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật:** đã xây dựng Kế hoạch thực hiện Quy định về chuẩn tiếp cận pháp luật và các văn bản hướng dẫn về thực hiện xây dựng xã, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật. Rà soát các thành phần để thành lập Hội đồng đánh giá Chuẩn tiếp cận pháp luật ở cơ sở. Đồng thời, ban hành kế hoạch thực hiện đánh giá, công nhận, xây dựng xã, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật và ban hành quyết định công nhận xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2017 gồm 02 xã và năm 2018 gồm 12 xã.

- **Công tác xây dựng, thẩm định, kiểm tra văn bản Quy phạm pháp luật:** đã chỉ đạo tiến hành thẩm định hơn 40 văn bản quy phạm pháp luật, kiểm tra 305 văn bản QPPL do cấp xã ban hành. Qua thẩm định, kiểm tra hầu hết các xã, thị trấn ban hành văn bản QPPL đều đúng nội dung, đúng thẩm quyền và có tính khả thi. Tuy nhiên, vẫn còn tồn tại, thiếu sót, đặc biệt về hình thức, kỹ thuật trình bày văn bản.

- **Công tác Hòa giải cơ sở:** đã chỉ đạo tiến hành Hòa giải thành 408 vụ, đạt tỷ lệ 84%; số vụ hoà giải không thành 47, đạt tỷ lệ 9.6 % và đang hòa giải 31 vụ, đạt tỷ lệ 6.4 %. Việc hoà giải ở cơ sở tốt góp phần giảm thiểu những tranh chấp nhỏ, những khiếu kiện vượt cấp, mối quan hệ tình làng nghĩa xóm được thắt chặt hơn; Thông qua công tác Hoà giải các quy định của pháp luật đã dần đi sâu vào đời sống của nhân dân, qua đó nhận thức về pháp luật của đông đảo cán bộ và nhân dân đã nâng lên một phần đáng kể góp phần không nhỏ vào Chương trình Quốc gia phòng chống tội phạm, bảo đảm trật tự an toàn xã hội trên địa bàn.

- **Công tác theo dõi thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính:** Đã ban hành Chỉ thị số 08/CT-UBND ngày 26/5/2017 về tăng cường công tác thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn huyện đề tập trung theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện thống nhất, đồng bộ các quy định pháp luật về xử lý vi phạm hành chính; tích cực tuyên truyền, phổ biến sâu rộng pháp luật về xử lý vi phạm hành chính; triển khai thực hiện đầy đủ, chất lượng các nội dung của nhiệm vụ quản lý công tác thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính ở các ban, ngành, địa phương. Chỉ đạo rà soát hồ sơ xử lý vi phạm hành chính đối với đơn vị Vinh Thái, thị trấn Thuận An, Phú Mỹ, Phú Thanh, Phú Diên, Phú Dương. Cường chế thu hồi đất tại xã Vinh An; cường chế vi phạm hành chính tại xã Phú Thượng, Vinh Thái; Chỉ đạo hỗ trợ, bảo vệ thi công Tỉnh lộ 10AC thị trấn Phú Đa.

8. Công tác nội chính - xây dựng chính quyền

Công tác xây dựng tổ chức bộ máy, công tác cán bộ trong thời gian qua được UBND huyện thực hiện nghiêm túc, đúng quy định của pháp luật. Trong quá trình thực hiện bảo đảm đúng thẩm quyền, quy trình, thủ tục và công khai, công bằng, khách quan và đảm bảo chất lượng.

Đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức từ huyện đến xã, thị trấn không ngừng được củng cố, kiện toàn và có những bước trưởng thành cả về số lượng và chất lượng. Đa phần cán bộ, công chức đã cố gắng thực hiện và phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ được giao, giữ vững đạo đức phẩm chất cách mạng, có ý thức tổ chức kỷ luật và tinh thần trách nhiệm, chấp hành sự phân công của tổ chức, có lối sống lành mạnh, gần gũi, gắn bó với nhân dân.

Hệ thống các cơ quan, đơn vị được sắp xếp, kiện toàn từng bước tinh gọn, gắn với tinh giản biên chế, cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mỗi cơ quan, đơn vị đã được điều chỉnh, bổ sung phù hợp, hoạt động có chất lượng, hiệu lực, hiệu quả từng bước được nâng lên. Chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong hệ thống chính trị từ huyện đến cơ sở được nâng lên một bước đáp ứng tốt hơn yêu cầu nhiệm vụ. Những tiến bộ và kết quả đó đã góp phần vào sự ổn định chính trị, phát triển kinh tế - xã hội của huyện trong những năm qua cụ thể:

- Đầu nhiệm kỳ 2016-2021, UBND huyện đã quyết định phê chuẩn kết quả bầu cử 20 Chủ tịch UBND cấp xã; 31 Phó Chủ tịch UBND cấp xã. Từ năm 2017 đến nay, UBND huyện đã quyết định phê chuẩn kết quả miễn nhiệm 07 Chủ tịch UBND, 08 Phó Chủ tịch UBND cấp xã. Đồng thời, đã quyết định phê chuẩn kết quả bầu cử 10 Chủ tịch UBND, 06 Phó Chủ tịch UBND cấp xã nhiệm kỳ 2016-2021. Công tác miễn nhiệm, bầu cử thành viên ủy ban nhân dân cấp xã được thực hiện nghiêm túc theo đúng quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương và Nghị định số 08/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 của Chính phủ quy định số lượng Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân và quy trình, thủ tục bầu, từ chức, miễn nhiệm, bãi nhiệm, điều động, cách chức thành viên Ủy ban nhân dân.

- Tiếp tục thực hiện công tác quy hoạch cán bộ lãnh đạo giai đoạn 2015 - 2020, Ban Thường vụ Huyện ủy đã có Hướng dẫn số 01-HD/TU ngày 09/8/2016 về công tác quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý. UBND huyện đã chỉ đạo các cơ quan, đơn vị tiếp tục thực hiện quy hoạch cán bộ lãnh đạo nhiệm kỳ 2020-2025. UBND huyện ban hành Hướng dẫn Quy hoạch Hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng ngành Giáo dục và đào tạo huyện Phú Vang giai đoạn 2018-2020 và 2020-2025. Hướng dẫn bổ nhiệm, bổ nhiệm lại Hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng ngành Giáo dục và đào tạo huyện và phê duyệt quy hoạch bổ sung ngành Giáo dục và đào tạo giai đoạn 2018-2020 và 2020-2025.

- Đã thực hiện sắp xếp, tổ chức lại các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở trực thuộc huyện gắn với nâng cao chất lượng giáo dục; rà soát, điều chỉnh hợp lý quy mô lớp học, thu gọn các điểm trường đảm bảo nguyên tắc thuận lợi cho người dân và phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương. Từ năm 2015 đến nay, UBND huyện đã quyết định sáp nhập 08 trường tiểu học thành 04 trường tiểu học; sáp nhập 04 trường Mầm non thành 02 trường Mầm non; cho phép thành lập trường Mầm non Huế star 2, thành lập Trường Mầm non Song ngữ Quốc tế Học viện Anh quốc - Huế, thành lập Trường Trung học cơ sở Vinh Hà trên cơ sở tách trường THCS và THPT Hà Trung.

- Đã triển khai có hiệu quả Kế hoạch sáp nhập các thôn, tổ dân phố, trên địa bàn huyện đã thực hiện sáp nhập 31 thôn, tổ dân phố để thành lập 13 thôn, tổ dân phố, giảm được 18 thôn, tổ dân phố (*trong đó giảm 15 thôn và 03 tổ dân phố*) và triển khai có hiệu quả Kế hoạch sắp xếp các đơn vị hành cấp xã trên địa bàn huyện

Phú Vang trong giai đoạn 2019-2021 (đã xây dựng và thông qua Đề án nhập xã Vinh Phú và xã Vinh Thái thành xã Phú Gia, huyện Phú Vang).

- Tiến hành chuyển giao toàn bộ tổ chức bộ máy, biên chế và lao động hợp đồng của Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất, thuộc phòng Tài nguyên và Môi trường huyện cho Sở Tài nguyên và Môi trường. Đã thực hiện chuyển Trung tâm dân số kế hoạch hoá gia đình trực thuộc Chi cục dân số kế hoạch hoá gia đình vào Trung tâm y tế huyện theo Quyết định của UBND tỉnh. Thực hiện hợp nhất Trạm Khuyến - Nông - Lâm ngư, Trạm Trồng trọt và Bảo vệ thực vật, Trạm Chăn nuôi và Thú y thành Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp huyện Phú Vang.

- Việc thực hiện chính sách tinh giản biên chế được UBND huyện quan tâm thực hiện nghiêm túc, bước đầu chủ yếu giải quyết chính sách những người không đủ sức khỏe, năng lực hạn chế không đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ; đồng thời, tuyển chọn những người có trình độ chuyên môn phù hợp với vị trí công việc, góp phần nâng cao chất lượng đội ngũ CBCCVC. Ngoài ra, việc tinh giản biên chế ở huyện chủ yếu tập trung giải quyết cho những người đến tuổi nghỉ hưu theo chế độ. Kết quả từ năm 2015 đến nay, thực hiện chính sách tinh giản biên chế theo Nghị định số 108 là 48 người.

- Công tác bổ nhiệm được thực hiện theo đúng quy định, thẩm quyền; công khai, minh bạch, khách quan. Đa số, các cán bộ được bổ nhiệm giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý đã đáp ứng các điều kiện, tiêu chuẩn bổ nhiệm theo quy định; cán bộ, công chức, viên chức sau khi được bổ nhiệm, bổ nhiệm lại đều giữ vững bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức lối sống, tích cực nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Kết quả từ năm 2015 đến nay, UBND huyện đã bổ nhiệm lại 55 cán bộ lãnh đạo, quản lý các cơ quan, đơn vị thuộc UBND huyện (trong đó bổ nhiệm mới 32, bổ nhiệm lại 23).

- Công tác tuyển dụng công chức, viên chức của huyện được thực hiện nghiêm túc, đúng quy trình, thủ tục, tuyển dụng trong biên chế công chức và số người làm việc được giao, không có cơ quan, đơn vị nào tuyển vượt biên chế giao; công chức, viên chức được tuyển dụng cơ bản đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ. Kết quả từ năm 2015 đến nay, tổng số công chức, viên chức được tuyển dụng là 430 người, trong đó: công chức các cơ quan chuyên môn: 17 người; viên chức sự nghiệp giáo dục và đào tạo: 342 người; công chức cấp xã: 71 người.

- Công tác đào tạo, bồi dưỡng theo chức danh, theo vị trí việc làm được quan tâm thực hiện đồng bộ, có hiệu quả từ tỉnh đến huyện, xã, thị trấn, nhiều cán bộ, công chức được tham gia đào tạo, bồi dưỡng trên tất cả các mặt, cả về chuyên môn nghiệp vụ, lý luận chính trị, ngoại ngữ, tin học... đã góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Kết quả từ năm 2015 đến nay, UBND huyện đã cử hơn 1.112 lượt CBCCVC từ huyện đến xã, thị trấn tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng về lý luận chính trị, quản lý nhà nước ngạch chuyên viên, chuyên viên chính, chuyên môn nghiệp vụ, ứng dụng công nghệ thông tin và bồi dưỡng khác cụ thể: đã phối hợp với trường Chính trị Nguyễn Chí Thanh mở 02 lớp Trung cấp lý luận Chính trị tại huyện cho 155 cán bộ, công chức, viên chức. Phối hợp với Trung tâm công nghệ thông tin mở 01 lớp Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cho 41 học viên; cử 76 cán bộ, công chức, viên chức tham dự lớp nâng cao kiến thức kỹ năng về an toàn thông tin. Phối hợp với Học viện hành chính khu vực miền trung mở 02 lớp QLNN ngạch chuyên viên tại huyện Phú Vang cho 141 cán bộ, công chức, viên chức trên toàn huyện; cử 29 cán bộ, công chức tham gia lớp bồi dưỡng

QLNN ngạch chuyên viên chính. Quyết định cử 102 cán bộ, công chức tham gia các lớp bồi dưỡng theo chức danh, 73 cán bộ, công chức tham gia bồi dưỡng nâng cao chuyên môn nghiệp vụ, 32 cán bộ, công chức tham gia lớp bồi dưỡng lãnh đạo cấp phòng, lãnh đạo cấp huyện... Bản thân các cán bộ, công chức đã chủ động tự tham gia các lớp đào tạo đại học, sau đại học để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

- Công tác quản lý nhà nước về Tôn giáo từ năm 2015 đến nay, UBND huyện đã triển khai tăng cường công tác quản lý nhà nước về tôn giáo, nắm tình hình, theo dõi các hoạt động tôn giáo đặc biệt là các đối tượng lợi dụng hoạt động tôn giáo tại nhà riêng và tuyên truyền lôi kéo phát triển đạo trái phép trên địa bàn huyện, làm ảnh hưởng đến khối đại đoàn kết toàn dân và hoạt động vi phạm pháp luật, gây phức tạp đến tình hình an ninh trật tự trên địa bàn. Hướng dẫn các tổ chức tôn giáo trên địa bàn huyện hoạt động theo đúng đường lối, chủ trương của Đảng và pháp luật của nhà nước, phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết dân tộc. Tranh thủ sự đóng góp của các tổ chức tôn giáo và các chức sắc, nhà tu hành vào việc phát triển kinh tế xã hội. Nhờ vậy, nhiều vấn đề phức tạp của tôn giáo đã từng bước được tháo gỡ, nhu cầu sinh hoạt tín ngưỡng, tôn giáo của công dân được giải quyết kịp thời.

9. Công tác Cải cách hành chính

Xác định cải cách hành chính (CCHC) là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của huyện, trong thời gian qua, UBND huyện tập trung các giải pháp quyết liệt, lâu dài trong việc đẩy mạnh thực hiện CCHC như: Ban hành Quy định đánh giá, xếp loại công tác CCHC của các phòng ban, chuyên môn và UBND các xã, thị trấn; hàng năm UBND huyện đã ban hành Kế hoạch Cải cách hành chính; Kế hoạch triển khai chương trình trọng điểm cải cách hành chính và Kế hoạch nâng cao chỉ số cải cách hành chính của huyện. Đã xác định các nội dung CCHC cần tập trung chỉ đạo thực hiện với các nhiệm vụ cụ thể và phân công trách nhiệm đối với các phòng, ban chuyên môn và UBND các xã, thị trấn. Đặc biệt trong năm 2018, UBND huyện đã tổ chức thành công Hội thi tìm hiểu công tác Cải cách hành chính nhằm nâng cao nhận thức cho cán bộ, công chức về chương trình tổng thể CCHC giai đoạn 2016-2020, qua đó khơi dậy ý thức tự giác, rèn luyện, tu dưỡng, đề cao tinh thần trách nhiệm, xung kích hăng hái tham gia vào công tác CCHC ở cơ quan, đơn vị nơi công tác. Hội thi đã thu hút đông đảo cán bộ, công chức tham gia với 20 đội thi trên toàn huyện. UBND huyện đã lựa chọn 02 Đội thi cử tham dự Hội thi tìm hiểu công tác Cải cách hành chính cấp tỉnh và đạt được giải Nhì toàn đoàn.

Ngoài ra, nhằm chấn chỉnh công tác CCHC, nâng cao ý thức trách nhiệm trong thi hành công vụ của cán bộ, công chức, viên chức tại các cơ quan, đơn vị hàng năm UBND huyện đã ban hành kế hoạch kiểm tra công tác Cải cách hành chính; Quyết định thành lập đoàn kiểm tra công tác CCHC và tiến hành kiểm tra công tác CCHC tại các xã, thị trấn và các phòng, chuyên môn, đơn vị sự nghiệp thuộc UBND huyện. Sau mỗi đợt kiểm tra, Phòng Nội vụ đã có biên bản và thông báo kết luận kiểm tra đối với các địa phương để kịp thời chấn chỉnh và yêu cầu phát huy những ưu điểm, đồng thời khắc phục đối với những hạn chế, tồn tại trong quá trình triển khai thực hiện nhằm đáp ứng tốt hơn các dịch vụ hành chính công cho người dân, tổ chức.

Ban hành Kế hoạch số 47/KH-UBND ngày 16 tháng 3 năm 2018 về việc triển khai Đề án Xây dựng Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả hiện đại của Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn trên địa bàn huyện Phú Vang. Đến nay đã tổ chức khai trương

và đưa vào hoạt động Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả tại 17/20 xã, thị trấn. Sau quá trình triển khai thực hiện Đề án Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả đã giải quyết TTHC cho tổ chức và công dân được thuận lợi, là bước chuyển biến mạnh mẽ trong việc ứng dụng các trang thiết bị điện tử, tin học và phần mềm công nghệ thông tin vào việc giải quyết các TTHC cho tổ chức và công dân. Công khai hóa toàn bộ thủ tục và quy trình các bước thực hiện và tiến trình giải quyết hồ sơ để công dân trực tiếp giám sát cơ quan hành chính nhà nước trong việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả để phục vụ tốt hơn cho công dân.

Riêng 02 xã Phú Xuân, Vinh Thanh do diện tích chưa đảm bảo nên dự kiến đưa vào hoạt động vào Quý III, năm 2019, còn lại xã Vinh Phú do có Phương án sáp nhập với xã Vinh Thái theo quy định tại Nghị quyết số 653/2019/UBTVQH14 nên dừng lại việc khai trương Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hiện đại.

III. CÔNG TÁC QUỐC PHÒNG - AN NINH:

a) Công tác quốc phòng: Thường xuyên duy trì nghiêm nhiệm vụ trực SSCĐ từ huyện đến cơ sở, phối hợp với các lực lượng nắm chắc tình hình thực hiện tốt công tác tuần tra, trực SSCĐ bảo đảm an toàn tuyệt đối trên địa bàn. Tham mưu cho Huyện ủy, UBND huyện làm tốt công tác phối kết hợp với Ban, ngành đoàn thể huy động lực lượng ứng trực và phòng chống bão lụt, tìm kiếm cứu nạn theo nhiệm vụ từng năm bảo đảm an toàn về người và tài sản của nhà nước và nhân dân.

Tiếp tục xây dựng, điều chỉnh hệ thống văn kiện SSCĐ từ huyện đến cơ sở, tổ chức diễn tập, luyện tập theo phương án. Từ năm 2015 đến nay tham mưu cho Huyện ủy, UBND huyện chỉ đạo và tổ chức diễn tập⁽¹⁶⁾. Thông qua diễn tập nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành, trước hết là trong đội ngũ cán bộ chủ chốt của huyện về nhiệm vụ quốc phòng- an ninh, nhận thức đầy đủ yêu cầu khách quan của việc kết hợp chặt chẽ giữa hai nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội với củng cố quốc phòng- an ninh.

Xây dựng kế hoạch, tổ chức quán triệt mệnh lệnh, chỉ thị, kế hoạch công tác huấn luyện chiến đấu cho LLVT toàn huyện. Triển khai thực hiện tốt công tác tập huấn, huấn luyện, hội thi, hội thao cho LLVT thuộc quyền bảo đảm nội dung, chương trình theo quy định.

Chỉ đạo triển khai thực hiện tốt Luật DQTV và các văn bản liên quan, đồng thời chỉ đạo kiện toàn, ổn định tổ chức, biên chế lực lượng DQTV bảo đảm đủ số lượng có chất lượng độ tin cậy cao, tỷ lệ DQTV hàng năm đạt từ 1,6-1,9% so với tổng dân số, chất lượng Đảng đạt từ 25%. Chỉ đạo đồng bộ hồ sơ định giá phương tiện tàu thuyền, ngư lưới cụ và hồ sơ lực lượng dân quân hoạt động trên biển theo quy định.

Đăng ký, quản lý chặt chẽ, tổ chức phúc tra, nắm chắc nguồn dự bị động viên và phương tiện kỹ thuật của nền kinh tế quốc dân hiện có. Hàng năm đã tiến hành điều động LL DBĐV được sắp xếp biên chế cho dBB/huyện, Viện quân y 268, d2/e176/f968 tham gia huấn luyện, diễn tập và kiểm tra SSCĐ theo kế hoạch.

¹⁶ Năm 2015: Huyện tổ chức diễn tập 2 cụm: cụm 2, cụm 5; Năm 2016: Tham gia diễn tập khu vực phòng thủ tỉnh và tổ chức diễn tập cụm 1; Năm 2017: Huyện tổ chức diễn tập chiến đấu phòng thủ cụm 3; Năm 2018: Huyện tổ chức diễn tập huy động tàu thuyền làm nhiệm vụ đấu tranh bảo vệ chủ quyền Bên đảo, kết hợp diễn tập chiến đấu phòng thủ cụm 4. Năm 2019: Huyện tổ chức diễn tập khu vực phòng thủ huyện; diễn tập cụm 6 về diễn tập thực binh cụm làng xã chiến đấu; diễn tập chiến đấu phòng thủ xã Phú Mỹ.

Hàng năm tham mưu cho Hội đồng NVQS huyện triển khai chỉ đạo tốt các bước tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ. Tổng số thanh niên lên đường nhập ngũ từ năm 2015 đến 2019 là 1.086 thanh niên. Tổ chức tiếp đón quân nhân hoàn thành NVQS trở về địa phương chu đáo.

Xây dựng LLVT huyện vững mạnh về chính trị. Tổ chức tốt công tác tuyên truyền, giáo dục chính trị tư tưởng cho LLVT toàn huyện, trọng tâm tuyên truyền các ngày lễ kỷ niệm của quê hương, đất nước, truyền thống Quân đội, thường xuyên tổ chức học tập, quán triệt Nghị quyết 28-NQ/TW ngày 22/9/2008 của Bộ chính trị, Nghị định 21/NĐ-CP của Chính phủ về khu vực phòng thủ, Nghị quyết TW 8 (khóa XI) của Bộ chính trị về “chiến lược bảo vệ tổ quốc trong tình hình mới” các chuyên đề theo quy định của trung ương nhằm tiếp tục đẩy mạnh cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”. Bảo đảm cho LLVT luôn kiên định vững vàng về chính trị, sẵn sàng nhận hoàn thành mọi nhiệm vụ được giao.

Chỉ đạo thực hiện tốt công tác chính sách hậu phương quân đội và phong trào "Đền ơn đáp nghĩa" trong dịp lễ, tết trong năm⁽¹⁷⁾. Duy trì có nề nếp chế độ họp, giao ban cụm ATLC-SSCĐ.

Bảo đảm tốt các mặt công tác HC-KT cho nhiệm vụ SSCĐ, huấn luyện diễn tập và PCBL cho LLVT huyện theo kế hoạch. Chỉ đạo công tác tăng gia sản xuất, chăn nuôi, làm kinh tế, nâng cao đời sống cho cán bộ chiến sỹ. Đầu tư kinh phí xây dựng chỉnh trang doanh trại cơ quan quân sự huyện, mua sắm trang bị phục vụ sinh hoạt đời sống cho bộ đội trị giá hơn 1 tỷ đồng.

Quản lý chặt chẽ VKTB tại kho huyện và cơ sở, tăng cường kiểm tra hệ thống phòng chống cháy nổ, thường xuyên tuyên truyền vận động và phối hợp với các lực lượng thu hồi và xử lý các loại vật liệu nổ trên địa bàn.

b) Công tác đảm bảo an ninh, trật tự: Trong 5 năm qua, tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn huyện diễn biến phức tạp; các thế lực thù địch không ngừng tiến hành các hoạt động chống phá; các đối tượng nước ngoài lợi dụng hợp tác đầu tư để đi sâu xâm nhập địa bàn trọng điểm, điều tra, thu thập tình hình; tiếp xúc với số cực đoan trên địa bàn để thực hiện mưu đồ chính trị... các loại tội phạm, tệ nạn xã hội, tai nạn giao thông diễn biến phức tạp, gây ảnh hưởng đến an ninh trật tự trên địa bàn và tác động đến việc triển khai nhiệm vụ, kế hoạch phát triển kinh tế của địa phương.

UBND huyện đã tổ chức quán triệt, triển khai thực hiện đầy đủ, có hiệu quả các Nghị quyết, Chỉ thị, của Đảng và Nhà nước về đảm bảo an ninh, trật tự, như: Nghị quyết về nhiệm vụ Quốc phòng- an ninh hàng năm; Chỉ thị 46 của Bộ Chính trị về “ Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác đảm bảo an ninh, trật tự trong tình hình mới”; Kết luận số 86-KL/TW của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện chỉ thị số 05-CT/TW về “ Tăng cường lãnh đạo công tác đảm bảo ANQG trong tình hình mới”; Kết luận số 32-KL/TW của Bộ Chính trị về “ tình hình an ninh, trật tự nổi lên gần đây và nhiệm vụ, giải pháp thời gian tới” của Bộ Chính trị; Chỉ thị 28 của Thủ tướng Chính phủ về “ Tăng cường công tác đảm bảo an ninh, trật tự trong tình hình mới”; Chỉ thị số 28-CT/TU ngày 12/09/2018 của Tỉnh ủy về “ tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo công tác đảm bảo an ninh, trật tự trên địa bàn tỉnh”...; trong kỳ, đã tham mưu trên 226 văn bản chỉ đạo

¹⁷ Năm 2015, 2016: Tổ chức chi trả trợ cấp cho đối tượng được hưởng chế độ theo Quyết định 49/TTg, Quyết định 62/TTg cho 86 trường hợp với số tiền 354 triệu đồng. Năm 2017, 2019: Tổ chức chi trả tiền cho 577 trường hợp được hưởng theo Quyết định 49, 62/TTg của Thủ Tướng Chính phủ với số tiền 2.149.000.000 đồng. Phối hợp xây dựng nhà tình nghĩa cho đối tượng chính sách.

liên quan công tác đảm bảo an ninh trật tự, phòng chống tội phạm và các hành vi vi phạm pháp luật, nhất là thời gian xảy ra sự cố môi trường biển; Đại hội đảng toàn quốc lần thứ XII, bầu cử Quốc hội khóa XIV và HĐND các cấp, nhiệm kỳ 2016- 2021; các kỳ họp Quốc hội, xảy ra dịch tả lợn Châu phi...; triển khai các phương án, kế hoạch đảm bảo an ninh trật tự, bảo vệ an toàn các sự kiện chính trị, các mục tiêu, công trình trọng điểm diễn ra trên địa bàn, như: Thời gian diễn ra Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XII, bầu cử Đại biểu Quốc hội khóa XIV và HĐND các cấp nhiệm kỳ 2016-2021, Hội nghị cấp cao APEC 2017, các dịp lễ, Tết, các sự kiện chính trị quan trọng diễn ra trên địa bàn..., không để xảy ra gây rối, biểu tình, hoạt động phá hoại, khủng bố hoặc cháy, nổ phức tạp.

Chủ động tham mưu làm tốt công tác quản lý Nhà nước về tôn giáo; triển khai nhiều kế hoạch, biện pháp đảm bảo an ninh tôn giáo; tiếp xúc, vận động và hướng lái các chức sắc, tín đồ trong tôn giáo hoạt động theo đúng quy định của pháp luật. Tăng cường đấu tranh, tấn công chính trị số cực đoan trong tôn giáo; tham mưu giải quyết những vụ việc liên quan an ninh tôn giáo, nhất là xây dựng cơ sở vật chất trái phép, việc đưa tu sĩ về trú trì tại cá NPD, chùa làng; chủ động nắm, phân tích tình hình, triển khai lực lượng đấu tranh, ngăn chặn hoạt động của số đối tượng hoạt động theo “ Hội thánh của Đức Chúa Trời”, “ Pháp Luân Công”, của số đối tượng cực đoan theo PGVNTN và hoạt động theo đạo Tin lành trái phép.

Do vậy, tình hình an ninh chính trị, trật tự xã hội, trật tự an toàn giao thông trên địa bàn huyện được đảm bảo, góp phần quan trọng vào thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế, xã hội trên địa bàn huyện trong 5 năm qua.

B. NHỮNG VẤN ĐỀ TỒN TẠI, HẠN CHẾ:

Tuy nhiên, kinh tế - xã hội đang còn những khó khăn: cơ cấu kinh tế chuyển dịch còn chậm, hạn chế trong việc thu hút các nguồn lực để đầu tư phát triển; chưa huy động phát huy hết nguồn lực trong nhân dân để đầu tư phát triển sản xuất tạo công ăn việc làm; lĩnh vực du lịch còn mang tính tự phát, nhỏ lẻ, du lịch chưa phát triển tương xứng tiềm năng, công tác quảng bá, kêu gọi đầu tư, huy động mọi nguồn lực đầu tư về dịch vụ đang còn hạn chế, du lịch triển khai còn chậm; các doanh nghiệp trên địa bàn chủ yếu quy mô nhỏ, trình độ lao động còn hạn chế, thị trường tiêu thụ chưa ổn định; hiệu quả sản xuất nông nghiệp cũng như trong nuôi trồng, đánh bắt thủy, hải sản chưa cao, kết cấu hạ tầng phục vụ sản xuất chưa đồng bộ, chưa đáp ứng yêu cầu phát triển sản xuất, nhất là hạ tầng phục vụ nuôi trồng thủy sản, nhiều năm liền không đủ nguồn lực đầu tư, nâng cấp. Cơ cấu nguồn lực đầu tư cho nông ngư nghiệp chưa hợp lý (nặng về hạ tầng), lại còn phân tán; chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi còn chậm, việc ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, công nghệ sinh học vào sản xuất chưa nhiều, đầu ra chủ yếu tiêu thụ nội địa, giá trị thấp hiệu quả kinh tế chưa cao. Hệ thống hạ tầng kỹ thuật tại cụm Công nghiệp Thuận An chưa được đầu tư, đặc biệt là hạ tầng xử lý nước thải môi trường.

Lĩnh vực văn hoá - xã hội còn một số vấn đề chưa giải quyết tốt, các thiết chế văn hóa, thể thao, du lịch vẫn còn thiếu, nhất là các thiết chế văn hóa, thể thao ở xã, thị trấn, hiệu quả hoạt động của các thiết chế văn hóa thể thao chưa cao; công tác giảm nghèo chưa bền vững, tỷ lệ hộ cận nghèo và tỷ lệ sinh con thứ ba trở lên còn cao, chất lượng nguồn lao động chưa cao; đời sống một bộ phận nhân dân đang còn khó khăn. Một số xã vẫn còn tình trạng vi phạm trong quản lý đất đai; thiếu quan tâm, xử lý không kịp thời; chưa quyết liệt không có giải pháp rõ ràng; nhận thức của

một bộ phận người dân về công tác bảo vệ môi trường chưa cao, chưa tự giác tham gia hưởng ứng tích cực các hoạt động bảo vệ môi trường của địa phương. Công tác tuyên truyền, xây dựng kế hoạch phòng, chống tham nhũng ở một số xã, thị trấn chưa thực hiện nghiêm túc, khi triển khai thực hiện còn lúng túng, công tác tự kiểm tra tại cơ quan, đơn vị còn nhiều hạn chế. An ninh chính trị, an ninh tôn giáo và trật tự an toàn xã hội còn tiềm ẩn nhiều phức tạp.

C. NGUYÊN NHÂN CỦA NHỮNG HẠN CHẾ

*** Nguyên nhân khách quan:**

Huyện Phú Vang có địa bàn rộng, các xã đặc biệt khó khăn nhiều, chiếm 7/20 đơn vị. Nguồn kinh phí đầu tư, hỗ trợ còn hạn hẹp. Xuất phát điểm của ngành nông, lâm, ngư nghiệp của huyện thấp, hạ tầng kỹ thuật phục vụ sản xuất thiếu đồng bộ, xuống cấp, trong khi nguồn lực đầu tư còn hạn hẹp. Diện tích sản xuất còn nhỏ lẻ gây khó khăn cho việc áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, vận động chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi và hình thành các vùng sản xuất chuyên canh, tập trung để nâng cao giá trị, hiệu quả sản xuất. Ảnh hưởng biến đổi khí hậu, thời tiết cực đoan: Hạn hán, nhiễm mặn, lũ lụt,... gây thiệt hại cho sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp và ảnh hưởng đến đời sống của người dân. Ảnh hưởng của sự cố môi trường biển xảy ra vào tháng 4/2016 gây tác động nghiêm trọng đến nền kinh tế và đời sống người dân.

*** Nguyên nhân chủ quan:**

- Công tác lãnh đạo, quản lý, điều hành, tham mưu, phối hợp của các cấp chính quyền và các phòng ban chức năng chưa đồng bộ có khi còn bị động, lúng túng. Việc triển khai, hướng dẫn một số văn bản liên còn thiếu thường xuyên và chưa kịp thời, một số văn bản còn vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện tại đơn vị.

- Công tác chỉ đạo thực hiện, tổng kết thực tiễn, vận động người dân nhân rộng các mô hình thành công chưa kịp thời và quyết liệt; nhiều mô hình có hiệu quả nhưng không được nhân rộng sau khi Nhà nước thôi hỗ trợ kinh phí.

- Nhận thức của người dân chưa cao, một bộ phận người dân chưa phát huy cao độ ý chí vươn lên thoát nghèo, làm giàu chính đáng, vẫn còn tư tưởng bảo thủ, tư duy cũ, thường trông chờ, ỷ lại vào sự hỗ trợ, đầu tư của Nhà nước.

- Tinh thần phối hợp của một số địa phương trong công tác đào tạo nghề vẫn còn thiếu hiệu quả, chưa hết trách nhiệm. Đặc biệt là công tác tuyên truyền để nâng cao nhận thức cho người lao động về đào tạo nghề và vận động lao động tham gia học nghề.

- Công tác cán bộ tuy có đổi mới tiến bộ nhưng vẫn còn hạn chế. Chính sách cán bộ còn nhiều bất cập, chế độ đãi ngộ thấp, chưa đảm bảo cho cuộc sống của phần lớn cán bộ, công chức. Nhiệm vụ của nhiều cơ quan nhà nước trong phòng, chống tham nhũng chưa được phân định rõ ràng, thậm chí chồng chéo, cơ chế phối hợp chưa thật sự cụ thể, hữu hiệu.

D. BÀI HỌC KINH NGHIỆM:

1. Kiên định con đường đổi mới theo mục tiêu XHCN, kiên định chủ nghĩa Mác Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh; nắm vững nhiệm vụ phát triển kinh tế là trung tâm, xây dựng Đảng là then chốt; giữ vững ổn định chính trị, đảm bảo quốc phòng-an ninh là điều kiện cơ bản để phát huy các nguồn lực thúc đẩy kinh tế xã hội phát triển đúng hướng.

2. Phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết, đẩy mạnh thực hiện dân chủ ở cơ sở nhằm tạo sự đồng thuận cao trong nhân dân, góp phần thực hiện thắng lợi các chỉ tiêu nghị quyết các cấp đề ra.

3. Dựa vào nội lực là chính, đồng thời đẩy mạnh việc tranh thủ tối đa các nguồn lực bên ngoài, thúc đẩy quá trình hợp tác đa dạng để khai thác tốt tiềm năng của địa phương.

4. Sử dụng có hiệu quả nguồn vốn đầu tư, hỗ trợ của Nhà nước, tạo điều kiện thuận lợi cho việc phát triển kinh tế xã hội góp phần vào việc ổn định chính trị và phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương.

5. Xây dựng chủ trương, chính sách cùng các giải pháp thích hợp để tiếp tục khơi dậy tiềm năng, thế mạnh của huyện trên các lĩnh vực.

6. Nâng cao năng lực lãnh đạo, quản lý của đội ngũ cán bộ công chức, tăng cường công tác đào tạo bồi dưỡng nhằm đáp ứng với yêu cầu nhiệm vụ đặt ra trong tình hình mới.

E. ĐÁNH GIÁ TỔNG QUÁT

1. Đánh giá chung

Trong 5 năm qua, thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XIV mặc dù tình hình huyện nhà trong điều kiện gặp nhiều khó khăn và thách thức như thiên tai khắc nghiệt, một số dịch bệnh mới xuất hiện; tình hình suy thoái kinh tế toàn cầu, giá cả lạm phát, nhiều vấn đề xã hội bức xúc chưa được giải quyết, tai nạn giao thông, ô nhiễm môi trường; tình hình an ninh chính trị, an ninh tôn giáo, an ninh nông thôn còn tiềm ẩn nhiều nguy cơ gây mất ổn định chính trị, đáng chú ý là việc ảnh hưởng sự cố môi trường biển tại 04 tỉnh Miền trung vào tháng 04/2016 đã ảnh hưởng lớn đến đời sống kinh tế - xã hội của nhân dân trên địa bàn; Song nhờ sự nỗ lực phấn đấu, phát huy nội lực, đoàn kết nhất trí, kết hợp sức mạnh của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân trong huyện, đặc biệt có sự giúp đỡ của Trung ương, của tỉnh, của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài huyện; Do đó, tình hình kinh tế xã hội trong 5 năm qua vẫn tạo được những chuyển biến tích cực, đạt được những thành tựu quan trọng trên tất cả các mặt, một số ngành và lĩnh vực đạt mức tăng trưởng khá; Tốc độ tăng trưởng kinh tế nhiều năm liên tăng 2 con số; thu ngân sách trên địa bàn chuyển biến tích cực, tăng bình quân 14,17%/năm; hạ tầng kinh tế - xã hội được đầu tư đồng bộ (tổng vốn đầu tư toàn xã hội giai đoạn 2016 - 2020 ước đạt trên 11.417 tỷ đồng); sản lượng lương thực có hạt được duy trì bình quân hàng năm 74.000 tấn. Nét nổi bật là đã tập trung chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi, năng suất cây trồng và sản lượng lương thực ổn định, đảm bảo an ninh lương thực; các hoạt động giáo dục, y tế và chăm sóc sức khỏe, văn hoá thông tin, bảo đảm an sinh xã hội đạt nhiều kết quả thiết thực. Kết cấu hạ tầng về điện, đường, trường, trạm được đầu tư với tốc độ nhanh hơn trước. Số lượng nhà ở kiên cố, bán kiên cố ngày càng tăng, các loại hình dịch vụ phát triển mạnh. Công tác đầu tư xây dựng, nâng cấp mở rộng các tuyến đường nội thị; tổ chức di dời, giải tỏa dân cư phục vụ cho các dự án xây dựng và khu quy hoạch khá tốt, tạo diện mạo của đô thị trên toàn huyện. Các xã ven biển và đầm phá được tập trung phát triển toàn diện; bộ mặt nông thôn ngày càng khởi sắc, đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được cải thiện; Chính trị và trật tự an toàn xã hội được giữ vững ổn định; thế trận quốc phòng toàn dân và thế trận an ninh nhân dân không ngừng củng cố và tăng cường.

2. Đánh giá tác động của dịch covid-19

Dịch covid -19 đã ảnh hưởng ảnh hưởng động đến nhiều mặt của đời sống kinh tế, xã hội, ảnh hưởng mạnh tới tâm lý, đời sống người dân trong xã hội; gây gián đoạn chuỗi cung ứng và lưu chuyển thương mại; làm đình trệ các hoạt động sản xuất, kinh doanh trên nhiều lĩnh vực của nền kinh tế; nhiều doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã phải tạm dừng hoạt động, thu hẹp quy mô sản xuất hoặc sản xuất cầm chừng; làm gia tăng thất nghiệp, gây mất việc làm trong ngắn hạn.

Do ảnh hưởng dịch Covid-19, một số công ty đã cho công nhân nghỉ theo chế độ nghỉ phép hằng năm, cắt giảm thời gian để đảm bảo công tác phòng chống dịch (Công ty TNHH MTV Sơn Hà cho 30% công nhân nghỉ theo chế độ nghỉ phép, Công ty cổ phần dệt may Huế (Nhà may 4) cho công nhân giảm giảm 01 giờ/ngày). Hiện nay, các công ty đã trở lại hoạt động sản xuất bình thường.

Đa số các cơ sở sản xuất công nghiệp nông thôn trên địa bàn huyện có quy mô vừa và nhỏ, sản phẩm chủ yếu tiêu thụ trên địa bàn tỉnh và một số tỉnh, thành trong nước nên ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 đến sản xuất kinh doanh là không đáng kể, như các ngành nghề: Chế biến thủy hải sản, nước mắm, ruốc, mắm các loại, nước ớt, đóng mới và sửa chữa tàu thuyền, mộc, tre mỹ nghệ, nhà rường.

Doanh thu từ dịch vụ-du lịch trong mùa dịch ước chỉ đạt khoảng 25-30% so với kế hoạch đầu năm đề ra, thiệt hại khoảng 70% do dịch Covid -19 gây ra, doanh thu ước khoảng 140 tỷ đồng, giảm 65,8% so với cùng kỳ.

Do lượt khách du lịch giảm mạnh ảnh hưởng đến các điểm bán hàng, kết nối tua du lịch trải nghiệm nên hoạt động sản xuất ngành nghề tranh dân gian, hoa giấy giảm; Nguồn thu ngân sách trên địa bàn giảm do tác động đại dịch.

Tình hình dịch bệnh gây ảnh hưởng nhiều đến cuộc sống người dân: nông sản cung cấp các ngành dịch vụ ăn uống giảm; thất nghiệp của công nhân một số ngành; Việc học sinh các trường mầm non, tiểu học nghỉ học cũng gây ảnh hưởng đến cuộc sống thường ngày của người dân.

PHẦN THỨ HAI

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI 5 NĂM 2021 - 2025

I. ĐẶC ĐIỂM THUẬN LỢI VÀ KHÓ KHĂN

Thực hiện Nghị quyết Đại hội của Huyện Đảng bộ, quyết định phương hướng, nhiệm vụ và đề ra những giải pháp thực hiện mục tiêu, chỉ tiêu giai đoạn 2021-2025, nhiệm vụ đặt ra khá nặng nề, đòi hỏi chúng ta phải nỗ lực cao hơn nữa khắc phục những khó khăn bất cập và yếu kém chủ quan, đồng thời tranh thủ tối đa những mặt thuận lợi, vượt qua những khó khăn thách thức, phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu đề ra.

1. Thuận lợi:

Sự ổn định về chính trị - xã hội của đất nước là nền tảng vững chắc tạo ra môi trường thuận lợi cho sự phát triển. Tình hình của Tỉnh nhà có những thuận lợi cơ bản.

Các nguồn lực đầu tư được thu hút mạnh hơn, nhất là nguồn lực đầu tư từ các doanh nghiệp trong nước, đầu tư trong nhân dân và đầu tư trực tiếp nước ngoài đã có xu hướng tăng rõ rệt vào các ngành và các vùng kinh tế trọng điểm của tỉnh, đã tác động thúc đẩy đến sự phát triển của huyện nhà.

Hoạt động văn hóa - xã hội có hiệu quả thiết thực thúc đẩy kinh tế phát triển, đời sống nhân dân được cải thiện, an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội được giữ vững.

Những thành tựu đạt được trong 5 năm qua là điều kiện để khai thác tốt hơn các tiềm năng thế mạnh của huyện là cơ hội cho Phú Vang phát triển toàn diện và bền vững trong những năm tới.

2. Khó khăn:

Quy mô các thành phần kinh tế trong huyện còn nhỏ, trình độ phát triển, năng lực cạnh tranh, chất lượng tăng trưởng của nền kinh tế chưa cao. Hạ tầng kỹ thuật tuy đã được cải thiện nhưng vẫn chưa đáp ứng kịp yêu cầu phát triển của nền kinh tế huyện nhà trong giai đoạn mới. Hiệu quả quản lý Nhà nước chưa cao, cải cách hành chính chưa đủ mạnh để tạo sức bật trong chỉ đạo, điều hành phát triển kinh tế-xã hội.

Những diễn biến phức tạp khó lường của thời tiết, dịch bệnh vẫn tiềm ẩn những nguy cơ làm suy giảm tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế và nguy cơ gây nên tình trạng tái nghèo ở một số vùng trong huyện.

Trình độ dân trí của một bộ phận cư dân còn hạn chế, đội ngũ cán bộ, nhất là ở cơ sở vừa mỏng, vừa yếu, chưa được đào tạo cơ bản để đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ cách mạng trong thời kỳ mới.

II. ĐỊNH HƯỚNG KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI GIAI ĐOẠN 2021 - 2025.

1. QUAN ĐIỂM PHÁT TRIỂN

- Tập trung chuyển dịch mạnh cơ cấu kinh tế theo hướng dịch vụ-công nghiệp, xây dựng-nông nghiệp. Phát triển kinh tế theo hướng sản xuất hàng hóa-xuất khẩu, phục vụ đô thị. Đẩy mạnh phát triển thương mại, dịch vụ, du lịch với tốc độ tăng trưởng cao; phát triển các ngành công nghiệp có lợi thế cạnh tranh, thu hút lao động, có hàm lượng công nghệ cao; phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững, hiệu quả, phù hợp với điều kiện đặc thù của huyện đầm phá, ven biển.

- Tăng cường đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, ưu tiên cải tạo, nâng cấp, xây dựng mới hệ thống giao thông, thủy lợi, mạng lưới cấp điện, hệ thống cấp thoát nước, vệ sinh môi trường... Đẩy mạnh quá trình đô thị hóa, phát triển mạng lưới đô thị, hoàn thành đề án nâng cấp xã Vinh Thanh lên đô thị loại 5; đẩy mạnh tốc độ đô thị hóa ở thị trấn Phú Đa; xây dựng nếp sống văn minh đô thị đi đôi với xây dựng nông thôn mới.

- Chú trọng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, xây dựng đội ngũ cán bộ khoa học, kỹ thuật, quản lý có trình độ; nâng cao tỷ lệ lao động được đào tạo... đáp ứng được yêu cầu phát triển mới và hội nhập kinh tế. Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu lao động theo hướng tăng lao động phi nông nghiệp.

- Phát triển kinh tế kết hợp chặt chẽ với giải quyết các vấn đề xã hội: giảm tỷ lệ hộ nghèo, nâng cao chất lượng giáo dục - đào tạo, công tác y tế, văn hóa, thể thao, đảm bảo an sinh xã hội; không ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân.

- Kết hợp hài hòa giữa phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ môi trường sinh thái, đảm bảo phát triển bền vững; bảo tồn các di tích văn hoá - lịch sử và phát huy các truyền thống văn hóa dân tộc tốt đẹp. Chú trọng các giải pháp thích ứng với biến đổi khí hậu, nước biển dâng, phòng chống, giảm nhẹ thiên tai.

- Phát triển kinh tế - xã hội kết hợp chặt chẽ với tăng cường quốc phòng an ninh, giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội; xây dựng nền hành chính trong sạch, vững mạnh.

2. MỤC TIÊU CHỦ YẾU:

a) Mục tiêu tổng quát: Xây dựng huyện Phú Vang có kinh tế đạt tốc độ tăng trưởng cao gắn với phát triển bền vững; cơ cấu kinh tế chuyển dịch mạnh theo hướng dịch vụ - công nghiệp, xây dựng - nông nghiệp; phát triển dịch vụ, du lịch thành ngành kinh tế chủ đạo; công nghiệp giữ vai trò động lực; chuyển dịch mạnh cơ cấu cây trồng, vật nuôi, ngành nghề, làng nghề.

Hoàn thiện kết cấu hạ tầng theo hướng đồng bộ, liên hoàn, kết nối các bãi biển với thành phố Huế; đẩy mạnh quá trình đô thị hóa tại thị Thuận An, xây dựng thành Trung tâm văn hóa- du lịch đầm phá cấp vùng; phát triển nhanh đô thị tại trung tâm huyện lỵ Phú Đa; xây dựng xã Vinh Thanh lên đô thị loại 5; phát triển các khu đô thị mới tại các xã thuộc đô thị An Vân Dương.

- Bảo vệ và khai thác có hiệu quả, bền vững, từng bước tái tạo môi trường, hệ sinh thái đầm phá Tam Giang gắn với việc sắp xếp sản xuất, giải tỏa nò sáo, khơi thông luồng lạch các đầm Sam, Chuồn.

- Xây dựng một xã hội phát triển, đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân không ngừng được cải thiện; quốc phòng- an ninh vững mạnh, chính trị- xã hội ổn định; hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh.

Đến năm 2025, xây dựng Phú Vang trở thành vùng kinh tế phát triển trong sự gắn kết hữu cơ với thành phố Huế và hệ thống đô thị Thừa Thiên Huế. Huyện Phú Vang đạt tiêu chuẩn Huyện nông thôn mới.

b) Mục tiêu cụ thể: Phấn đấu đến năm 2025 đạt các chỉ tiêu chủ yếu sau:

1. Tốc độ tăng GTSX bình quân hàng năm tăng 12,52%.

- Giá trị các ngành dịch vụ tăng bình quân: 14,94%/năm, chiếm tỷ trọng 52% trong cơ cấu kinh tế năm 2025.

- Giá trị sản xuất công nghiệp - xây dựng tăng bình quân: 13,8%, chiếm tỷ trọng 36,3% trong cơ cấu kinh tế năm 2025.

- Giá trị sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp tăng bình quân: 2,52%, chiếm tỷ trọng 11,7% trong cơ cấu kinh tế năm 2025.

2. Thu nhập bình quân đầu người đến năm 2025 đạt từ 75-80 triệu đồng.

3. Giá trị thu hoạch/ha diện tích canh tác đất nông nghiệp đạt trên 90 triệu đồng/năm.

4. Tổng sản lượng khai thác và nuôi trồng thủy sản bình quân hàng năm đạt trên 35.500 tấn; trong đó: đánh bắt trên 32.000 tấn, nuôi trồng 3.500 tấn.

5. Tổng nguồn vốn đầu tư toàn xã hội tăng thêm trên 20.000 tỷ đồng

6. Thu ngân sách trên địa bàn hàng năm tăng bình quân từ 10%-12%/năm (Không tính thu tiền sử dụng đất)

7. Tỷ lệ phát triển dân số tự nhiên dưới 1,05%

8. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi SDD giảm dưới 8%

9. Tỷ lệ dân số sử dụng nước máy trên 95%

10. Lao động qua đào tạo đạt trên 70%. Tạo việc làm mới: 3.000 lao động/năm
11. Tỷ lệ hộ nghèo dưới 3% (theo chuẩn nghèo giai đoạn 2016-2020)
12. Tỷ lệ đô thị hóa đạt trên 60%
13. Tỷ lệ rác thải được thu gom, xử lý đạt 95%
14. Tỷ lệ các xã đạt tiêu chí nông thôn mới đạt 100%
15. Duy trì tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế trên 98%.

III. NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN CÁC NGÀNH, LĨNH VỰC KINH TẾ:

1. Tập trung đầu tư, xây dựng kết cấu hạ tầng, đẩy nhanh tốc độ đô thị hoá nông thôn.

Cải thiện môi trường đầu tư, nâng cao chỉ số cạnh tranh để thu hút các nguồn lực đầu tư bên ngoài, hướng tập trung vào các ngành dịch vụ, công nghiệp - TTCN, chế biến thủy sản, sản phẩm nông nghiệp, phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội như giao thông, thủy lợi, giáo dục, y tế, văn hóa và xây dựng các khu đô thị. Dự kiến tổng vốn đầu tư toàn xã hội giai đoạn 2021 – 2025 trên 20.000 tỷ đồng.

Kêu gọi và khuyến khích, tạo điều kiện cho các thành phần kinh tế tham gia phát triển kết cấu hạ tầng, tập trung các nguồn lực để ưu tiên cải tạo, nâng cấp và xây dựng mới hệ thống giao thông, thủy lợi, tăng tỷ trọng đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng xã hội. Tiếp tục hoàn thiện kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Phú Đa, cụm công nghiệp Thuận An và các làng nghề truyền thống.

Đẩy nhanh tiến độ để sớm đưa vào sử dụng các công trình: nâng cấp quốc lộ 49B, tỉnh lộ 10. Tranh thủ tối đa nguồn vốn của Tỉnh và Trung ương đầu tư xây dựng cầu Phú Thứ, hệ thống đường ven biển, đê phá, đường Tây phá Tam Giang, đường Thủy Dương - Thuận An; hệ thống hạ tầng giao thông đô thị Thuận An, Phú Đa; đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng giao thông nông thôn, chú trọng đầu tư các tuyến đường giao thông nội đồng theo tiêu chuẩn nông thôn mới; xây mới các bến thuyền, bến du lịch nội đê phá, ven biển; hệ thống cấp nước sinh hoạt vùng ven biển, đê phá; khai thác tốt cảng cá Thuận An.

Đầu tư nâng cấp các tuyến vận tải đường thủy như tuyến trên sông Đại Giang, đê phá Tam Giang - Cầu Hai. Nạo vét luồng Cảng Thuận An và xây dựng các bến tàu, thuyền trên sông, đê phá, khu neo đậu tránh trú bão.

Quan tâm xây dựng hệ thống giao thông tĩnh tại các khu đô thị, dành quỹ đất thích hợp để phát triển hệ thống giao thông đô thị kể cả giao thông tĩnh, đảm bảo quỹ đất dành cho giao thông đô thị.

Tranh thủ các dự án để xây dựng các công trình chống xâm thực bờ biển Thuận An - Tư Hiền, các dự án chống xói lở bờ sông Hương. Hoàn chỉnh cơ bản hệ thống đê đập ngăn mặn, ngăn lũ ở vùng ven biển đê phá, vùng cửa sông. Xây mới các công trình cảnh báo bão, lụt.

Xây dựng mới kết hợp với cải tạo hệ thống lưới điện trung, hạ thế. Nâng cấp, hiện đại hóa mạng lưới cấp điện đáp ứng nhu cầu phụ tải, đảm bảo an toàn, ổn định chất lượng điện phục vụ sản xuất và sinh hoạt.

Phát triển đồng bộ mạng lưới đường ống cấp nước; đảm bảo cung cấp nước sạch đến các thị trấn, thị tứ, khu công nghiệp, khu du lịch và vùng phụ cận trên địa bàn. Đến năm 2025, tỷ lệ hộ sử dụng nước sạch đạt trên 95%; giải quyết cơ bản vấn đề cấp nước sinh hoạt cho nhân dân vùng cát, ven biển.

2. Đẩy mạnh phát triển các ngành kinh tế, gắn sản xuất với thị trường tiêu thụ; nâng cao chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh theo định hướng thị trường.

a) Phát triển dịch vụ: Phát huy nội lực, tập trung cải thiện môi trường đầu tư để khai thác các lợi thế, các tiềm năng thế mạnh của huyện. Tạo môi trường đầu tư thông thoáng để khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi cho nhà đầu tư trong và ngoài huyện đầu tư phát triển các cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch biển và đầm phá. Khai thác có hiệu quả tài nguyên, giá trị các di tích lịch sử và văn hoá, đa dạng hoá và nâng cao chất lượng các sản phẩm du lịch, dịch vụ. Khuyến khích tạo mọi điều kiện cho các thành phần kinh tế phát triển, hình thành các doanh nghiệp vừa và nhỏ trong ngành sản xuất kinh doanh dịch vụ. Phần đầu tăng trưởng bình quân hàng năm 14,94%; đến năm 2025 chiếm tỷ trọng 52% trong cơ cấu kinh tế.

- *Về dịch vụ thương mại:* Huy động các nguồn vốn để đầu tư nâng cấp các chợ trên địa bàn huyện nhằm tạo thuận lợi trong giao thương mua bán hàng hóa nông sản, thủy sản của nhân dân theo hướng văn minh thương mại. Tiếp tục đẩy mạnh cuộc vận động người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam. Tăng cường kiểm tra đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, tiêu chuẩn đo lường, chất lượng và ổn định giá cả thị trường. Đẩy mạnh phát triển các loại hình dịch vụ của các tổ chức kinh tế tập thể, các HTX và Doanh nghiệp tư nhân...

- *Về du lịch:* Phát huy thế mạnh của một huyện ven biển và đầm phá về du lịch. Tiến hành thực hiện qui hoạch phát triển du lịch đến năm 2025 để có kế hoạch đầu tư phát triển du lịch ở các vùng trọng điểm, đồng thời thúc đẩy công tác tuyên truyền quảng bá đẩy mạnh xã hội hoá công tác du lịch, đa dạng hoá các loại hình du lịch sinh thái ở các xã ven biển, đầm phá từ Thuận An về Vinh Hà và các xã dọc theo phá Tam Giang-Cầu Hai; Phát triển dịch vụ du lịch nghỉ dưỡng ở Thuận An, Vinh Thanh, Phú Thuận. Đẩy nhanh tiến độ xây dựng kết cấu hạ tầng khu du lịch sinh thái ở các xã ven biển; Phát triển mạnh các loại hình du lịch ẩm thực, du lịch lịch sử và văn hoá... ngày càng phong phú và đa dạng. Phối hợp và tạo điều kiện để sớm đưa các dự án dịch vụ du lịch trên địa bàn đi vào hoạt động như: Khu vui chơi và công viên biển (Tập đoàn PSH), xã Vinh Thanh và Vinh An; Khu nghỉ dưỡng nước khoáng nóng Mỹ An, xã Phú Dương (Công ty cổ phần Du lịch Mỹ An); Khu dịch vụ du lịch nghỉ dưỡng Đảo Cồn Sơn, xã Phú Thuận (Công ty Đại Phú Lộc); Khu khách sạn, dịch vụ du lịch, biệt thự nghỉ dưỡng và Khu vui chơi giải trí tổng hợp, xã Vinh Xuân và xã Vinh Thanh (Tập đoàn BRG); Sân golf quốc tế khu dịch vụ phụ trợ và biệt thự nghỉ dưỡng tại xã Vinh Xuân (Tập đoàn BRG) và một số dự án đang kêu gọi đầu tư trên địa bàn huyện...

- *Về dịch vụ sản xuất nông - ngư nghiệp:* Xác định dịch vụ chế biến thủy sản là thế mạnh của huyện, thu hút vốn đầu tư của các thành phần kinh tế để tập trung đầu tư phát triển các cơ sở chế biến dịch vụ thủy sản, dịch vụ nghề cá.

Hình thành các tổ hợp, HTX dịch vụ đa ngành phục vụ sản xuất (đánh bắt, NTTS, chế biến và tiêu thụ thủy- hải sản) và tiêu dùng ở các xã vùng ven biển, đầm phá.

- *Về dịch vụ giao thông vận tải:* củng cố kiện toàn nâng cao năng lực hoạt động của các HTX vận tải. Tăng cường công tác tuyên truyền, vận động nhân dân tiếp tục bỏ vốn đầu tư mua sắm thêm xe mới, loại dần các đầu xe đã hết niên hạn sử dụng; đa dạng hoá các loại hình vận tải đường thủy, khuyến khích các thành phần

kinh tế, các tổ chức, cá nhân có năng lực tham gia làm dịch vụ về giao thông đường thủy...

- *Về xây dựng và đô thị:*

Thực hiện quy hoạch và rà soát quy hoạch trên cơ sở quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của huyện đến năm 2025, gắn với quy hoạch phát triển Chương trình xây dựng nông thôn mới và quy hoạch khác có liên quan; Tiến hành rà soát, sắp xếp các thứ tự ưu tiên đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước để tạo bước đột phá trong phát triển kinh tế - xã hội tại đô thị.

Xây dựng cơ chế phát triển hạ tầng đô thị bằng nhiều nguồn vốn theo hướng khuyến khích tham gia của nhiều thành phần kinh tế; phối hợp các ngành liên quan và đơn vị tư vấn để đẩy nhanh tiến độ và chất lượng quy hoạch, tăng cường quản lý thực hiện quy hoạch đã được phê duyệt. Tiến hành cắm mốc, phân khu chức năng, chú trọng hạ tầng các tuyến đường chính. Phần đầu đến năm 2025, tỷ lệ đô thị hóa toàn huyện đạt trên 60%. Tỷ lệ hộ dùng nước máy toàn huyện đạt trên 95%; Dự kiến tổng vốn đầu tư toàn xã hội giai đoạn 2021 - 2025 tăng bình quân từ 15 - 20%.

Tập trung chỉ đạo thực hiện quy hoạch đô thị hoá ở Thuận An, Vinh Thanh và Phú Đa, đẩy nhanh tốc độ đô thị hoá nông thôn, thúc đẩy các dịch vụ xây dựng trên địa bàn huyện phát triển như: dịch vụ xây dựng dân dụng, sản xuất và cung ứng vật liệu xây dựng.

- *Về dịch vụ tín dụng ngân hàng:* Tiếp tục duy trì và nâng cao chất lượng phục vụ dịch vụ tài chính hiện có, phát triển các loại hình dịch vụ tài chính mới trên địa bàn theo nhu cầu của nền kinh tế.

- *Về dịch vụ lao động việc làm:* Phát triển dịch vụ hướng nghiệp, đào tạo ngành nghề thích hợp cho người lao động, nhằm đáp ứng yêu cầu lao động tiểu thủ công nghiệp, ngành nghề nông thôn; chủ động giải quyết công ăn việc làm cho người lao động, tăng nguồn thu nhập, nâng cao đời sống cho nhân dân.

- *Về dịch vụ Bưu chính viễn thông:* Tăng cường công tác quản lý Nhà nước về hoạt động viễn thông, công nghệ thông tin, xuất bản, báo chí theo đúng quy hoạch và quy định của pháp luật. Tiếp tục đầu tư phát triển mạng lưới bưu chính, viễn thông và công nghệ thông tin, dịch vụ điện thoại thuê bao cố định và di động, phổ cập Internet trong toàn huyện, góp phần đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn.

- *Về Dịch vụ Văn hoá - Xã hội - Thể thao:* Tiếp tục phát triển các dịch vụ về hưởng thụ văn hóa thông qua các lễ hội văn hóa dân gian trên địa bàn... Đầu tư xây dựng các Trung tâm Văn hóa-Thể thao huyện, xã như: sân vận động, Nhà thi đấu đa năng... để đẩy mạnh các phong trào thể dục thể thao.

- *Về dịch vụ y tế:* Phát triển các dịch vụ khám chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe cho nhân dân thông qua các trung tâm, phòng khám, chữa bệnh tư nhân, bệnh viện tư nhân...

- Phát triển dịch vụ biển và đầm phá tại Thuận An, Phú Thuận, Phú Diên, Vinh Thanh, Vinh An.

- Tạo môi trường đầu tư thuận lợi để kêu gọi đầu tư.

- Tạo cơ chế phù hợp để phát triển các doanh nghiệp trên địa bàn huyện.

- Vận động đóng mới tàu thuyền công suất lớn tăng cường khai thác đánh bắt xa bờ.

b) Phát triển Công nghiệp - TTCN và ngành nghề nông thôn:

Nâng cao chất lượng và sức cạnh tranh của các sản phẩm công nghiệp. Phần đầu tăng trưởng bình quân hàng năm 13,8%; đến năm 2025 chiếm tỷ trọng 36,3% trong cơ cấu kinh tế.

Hoàn thiện cơ sở hạ tầng ở khu công nghiệp Phú Đa và cụm công nghiệp Thuận An, phần đầu kêu gọi đầu tư lấp đầy tỷ lệ khu công nghiệp Phú Đa từ 50-60% diện tích, cụm công nghiệp Thuận An từ 60-70% diện tích. Xúc tiến kêu gọi đầu tư các nhà máy lắp ráp điện tử, đóng mới và sửa chữa tàu thuyền, chế biến nông – thủy hải sản.

Phối hợp với BQL khu kinh tế, công nghiệp tỉnh xúc tiến kêu gọi đầu tư nhà máy sản xuất vào Khu công nghiệp Phú Đa ưu tiên lĩnh vực kỹ thuật công nghệ cao. Tạo điều kiện thuận lợi để thu hút các nhà đầu tư đầu tư xây dựng các nhà máy sản xuất tại khu CN Phú Đa như: thực hiện ưu đãi về thuê đất, cải cách thủ tục hành chính, thực hiện công tác đền bù giải phóng mặt bằng để giao đất sạch cho các nhà đầu tư. Tập trung thu hút đầu tư các ngành nghề cơ khí, điện tử,...

Đầu tư hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Thuận An; danh mục đầu tư để xin vốn Trung ương, tỉnh và xúc tiến kêu gọi các doanh nghiệp, cơ sở đầu tư nhà máy, xưởng sản xuất đóng mới và sửa chữa tàu thuyền, sản xuất chế biến hàng thủy sản vào Cụm công nghiệp Thuận An.

Tranh thủ nguồn vốn khuyến công, khoa học công nghệ của tỉnh và triển khai kế hoạch khuyến công huyện nhằm hỗ trợ các tổ chức, cá nhân trong việc đổi mới máy móc thiết bị, công nghệ, mở rộng quy mô hoạt động, ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất.

Đầu tư cải tiến nhãn mác hàng hóa, tăng cường các hoạt động xúc tiến quảng bá mở rộng thị trường các sản phẩm đã có thương hiệu, xây dựng các thương hiệu mới, tăng cường khả năng cạnh tranh của các sản phẩm trên địa bàn tạo thành chuỗi liên kết từ khâu sản xuất đến phân phối và tiêu thụ sản phẩm. Gắn phát triển nghề và làng nghề với phát triển dịch vụ du lịch. Vận động các cơ sở sản xuất nhỏ lẻ liên kết với nhau cùng dùng chung một nhãn hiệu tập thể nhằm xây dựng phát triển thương hiệu chung. Cơ sở đầu mối có vai trò làm đầu tàu bao tiêu sản phẩm của các hộ sản xuất nhỏ lẻ để cung ứng ra thị trường.

c) Phát triển nông, lâm, ngư nghiệp

Xây dựng nền nông nghiệp hàng hoá đa dạng, chất lượng, hiệu quả và phát triển bền vững, trên cơ sở phát huy các lợi thế so sánh của từng vùng, nâng cao hiệu quả sử dụng đất. Ngành Nông, lâm, ngư nghiệp bình quân hàng năm tăng 2,52%; đến năm 2020 chiếm tỷ trọng 11,7% trong tổng cơ cấu kinh tế.

Phát triển toàn diện, bền vững theo hướng đa dạng hoá cây trồng vật nuôi, chuyển đổi mùa vụ phù hợp với điều kiện tự nhiên, ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật để đưa lại hiệu quả kinh tế cao, gắn phát triển nông, lâm, ngư nghiệp với bảo vệ tài nguyên đất, rừng, biển giữ vững môi trường và cân bằng sinh thái.

Chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông nghiệp nông thôn theo hướng phát triển nền nông nghiệp sinh thái, sạch với công nghệ sinh học; tăng tỷ trọng ngành chăn nuôi, bảo đảm an ninh lương thực, phát triển ngành nghề nông thôn. Tiếp tục chỉ đạo quyết liệt và có hiệu quả công tác chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi, tạo nguyên liệu cho ngành chế biến, tăng dần sản phẩm hàng hoá trong nông - ngư nghiệp.

Phần đầu tăng giá trị thu nhập trên 1 đơn vị diện tích canh tác đạt bình quân trên 90 triệu đồng/ha/năm.

Tiếp tục chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi phù hợp với điều kiện đất đai, thổ nhưỡng của vùng biển, đầm phá. Thực hiện chuyển đổi diện tích gieo trồng một số cây chính như lúa chất lượng cao, ngô, lạc, hoa, ớt và phát triển vành đai thực phẩm rau sạch, trồng hoa, cây cảnh, cây ăn quả, cải tạo vườn có giá trị hàng hoá cao.

Khuyến khích phát triển chăn nuôi theo hướng bán công nghiệp, kinh tế trang trại, ứng dụng công nghệ để tăng nhanh sản lượng và chất lượng tổng đàn;

Khai thác tổng hợp vùng ven biển, đầm phá nước lợ và sông đầm nước ngọt, kết hợp tính đa dạng, khả năng duy trì, tái tạo nguồn thủy hải sản và môi trường sống ven biển, đầm phá. Tổng sản lượng thủy sản bình quân hàng năm đạt trên 35.500 tấn (đánh bắt trên 32.000 tấn, nuôi trồng 3.500 tấn).

Tăng cường công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng phòng hộ, rừng sản xuất ven phá, ven biển và vùng cát nội đồng. Thực hiện tốt chính sách hưởng lợi của người nhận khoán quản lý, bảo vệ rừng và các chủ rừng. Đẩy mạnh phong trào trồng cây phân tán trong nhân dân, chú trọng bố trí diện tích trồng cây xanh hợp lý trong các khu quy hoạch phát triển khu dân cư ở các xã, thị trấn, trồng cây xanh trong các công sở, các trục lộ giao thông.

Tiếp tục đẩy mạnh phát triển nông nghiệp nông thôn toàn diện, bền vững gắn với xây dựng nông thôn mới. Duy trì tăng trưởng, nâng cao hiệu quả và khả năng cạnh tranh thông qua tăng năng suất, chất lượng và giá trị gia tăng sản phẩm nông nghiệp; đáp ứng tốt hơn nhu cầu, thị hiếu của người tiêu dùng.

Tập trung hỗ trợ nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng nông nghiệp công nghệ cao, sản xuất giống cây trồng, giống vật nuôi, giống thủy sản, trồng thử nghiệm cây trồng mới có giá trị kinh tế cao... Triển khai chương trình một xã một sản phẩm gắn với chương trình nông thôn mới và thành lập hợp tác xã kiểu mới; khuyến khích đưa sản phẩm vào Festival làng nghề truyền thống. Đẩy mạnh áp dụng quy trình thực hành nông nghiệp tốt (VietGAP), khuyến khích sản xuất nông nghiệp hữu cơ, xây dựng mô hình liên kết sản xuất chuỗi từ sản xuất đến tiêu thụ nhằm tăng thu nhập, hiệu quả sản xuất.

Thực hiện tốt công tác phát triển các đàn gia súc thay thế cho lượng gia súc bị dịch bệnh, triển khai công tác tái khôi phục đàn lợn.

Tập trung phát triển các giống lúa chất lượng cao, phân đầu chiếm tỷ trọng hơn 30% tổng diện tích trên toàn huyện.

Tiếp tục thực hiện có hiệu quả chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới. Rà soát lại các xã đạt nông thôn mới để củng cố tính bền vững. Hỗ trợ các xã khó khăn xây dựng nông thôn mới gắn với giảm nghèo bền vững.

d) Công tác Tài chính, ngân hàng:

Về thu ngân sách nhà nước trên địa bàn: trên cơ sở tính toán tốc độ tăng trưởng kinh tế, gắn với bồi dưỡng nguồn thu, thông qua công tác qui hoạch sử dụng đất để thực hiện và khai thác nguồn thu từ chính sách đổi đất lấy hạ tầng, cơ cấu và tỷ lệ phân chia nguồn thu giữa các cấp ngân sách đang tính theo định mức hiện hành. Phân đầu thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn (không tính thu từ tiền sử dụng đất) hàng năm tăng bình quân từ 10% đến 12%/ năm

Về chi ngân sách nhà nước trên địa bàn: Căn cứ nhiệm vụ chính trị, kế hoạch phát triển kinh tế xã hội giai đoạn 2021-2025 để xây dựng dự toán chi NSNN cho từng lĩnh vực chi theo mục tiêu, nhiệm vụ được giao, đảm bảo đúng chính sách, chế

độ, định mức chi NSNN, đúng tính chất nguồn kinh phí, đáp ứng các nhiệm vụ chính trị quan trọng, thực hiện đầy đủ các chính sách, chế độ nhà nước đã ban hành, triệt để tiết kiệm. Định mức chi điều chỉnh theo định mức hiện hành, dự kiến bình quân hàng năm tăng 5% (Không tính chi đầu tư từ nguồn cấp quyền sử dụng đất và chi từ nguồn cấp trên bổ sung có mục tiêu).

Đẩy mạnh đổi mới các hoạt động của ngân hàng, hợp tác xã tín dụng và đa dạng hoá các hình thức huy động vốn góp phần thúc đẩy sản xuất, phát triển kinh tế - xã hội, đáp ứng cho hoạt động sản xuất, kinh doanh của các thành phần kinh tế trong huyện, nhất là các hộ nông dân, ngư dân.

Cải thiện môi trường đầu tư, nâng cao chỉ số cạnh tranh để thu hút các nguồn lực đầu tư bên ngoài, hướng tập trung vào các ngành dịch vụ, công nghiệp - TTCN, chế biến thủy sản, sản phẩm nông nghiệp, phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế xã hội như giao thông, thủy lợi, giáo dục, y tế, văn hóa và xây dựng các khu đô thị.

IV. NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN CÁC LĨNH VỰC VĂN HOÁ - XÃ HỘI

1. Giáo dục - Đào tạo

a) Giáo dục mầm non:

- Huy động: Nhà trẻ: 30-40%; Mẫu giáo: 90-95%; Trẻ 5 tuổi trên: 99%.
- Thẻ nhẹ cân và thẻ thấp còi dưới 3% và thừa cân béo phì dưới 2,5%.
- Phân đầu 100% trường chuẩn Quốc gia mức độ 1 và 10% đạt mức độ 2.
- Công tác PC GD 5 tuổi có 100% xã đạt chuẩn.

b) Giáo dục phổ thông:

** Tiểu học:*

- Huy động trẻ 6 tuổi vào lớp 1 đạt tỷ lệ 100% .
- Các tiêu chí trong “Phẩm chất, năng lực” loại tốt, đạt tỷ lệ trên 90%.
- Học sinh học 2 buổi /ngày đạt tỷ lệ 100%.
- Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình tiểu học đạt 100%;
- Phân đầu 100% trường chuẩn Quốc gia mức độ 1 và 20% đạt mức độ 2.

** Trung học cơ sở:*

- Học sinh hoàn thành Chương trình bậc Tiểu học vào lớp 6, đạt tỷ lệ 100%.
- Hạnh kiểm tốt trên 85%; học lực giỏi trên 25% trở lên.
- Học sinh học 2 buổi /ngày trên 30% trở lên.
- Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở, đạt tỷ lệ 100%;
- Phân đầu 100% trường chuẩn Quốc gia mức độ 1 và 10% đạt mức độ 2.

** Trung học phổ thông:* Tỷ lệ học sinh đi học trong độ tuổi đạt 80%. Số trường đạt chuẩn quốc gia chiếm 60%.

c) Giáo dục nghề nghiệp: Triển khai việc dạy nghề và tập huấn chuyên môn kỹ thuật cho lao động nông thôn, người tàn tật và người nghèo. Triển khai kế hoạch đào tạo nghề hằng năm. Tăng tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt trên 50%.

2. Y tế - Dân số:

Tiếp tục duy trì và nâng cao chất lượng khám chữa bệnh tại bệnh viện huyện, các Trạm y tế xã, thị trấn, phục vụ chăm sóc sức khỏe nhân dân trên địa bàn. Thực hiện cải tiến chất lượng hoạt động bệnh viện theo nội dung Bộ tiêu chí chất lượng bệnh viện của Bộ Y tế. Triển khai các kỹ thuật mới tại bệnh viện huyện, phát huy hiệu quả các phương tiện trang thiết bị mới được trang cấp nhằm nâng cao chất lượng công tác cận lâm sàng, triển khai một số kỹ thuật lâm sàng và cận lâm sàng

mới phục vụ công tác khám chữa bệnh. Duy trì công tác thanh kiểm tra VSATTP, hành nghề y dược tư nhân trên địa bàn huyện.

Tiếp tục thực hiện xã hội hoá công tác dân số hướng tới mục tiêu phát triển bền vững dân số thông qua việc tăng cường hoạt động giáo dục truyền thông, dịch vụ kế hoạch hóa gia đình. Phấn đấu giảm tỉ lệ tăng dân số tự nhiên năm 2025 xuống dưới 1,005%. Duy trì và nhân rộng việc đăng ký xây dựng cụm mô hình không có người sinh con thứ 3 trở lên. Giảm tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng đến năm 2025 còn dưới 8%.

3. Khoa học công nghệ và môi trường

Đổi mới và nâng cao trình độ công nghệ, chú trọng chuyển giao tiến bộ kỹ thuật và các thành tựu khoa học và công nghệ. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ sinh học về giống cây trồng, chú trọng giống lúa, giống các cây công nghiệp, các loại rau, quả và cây đặc sản phù hợp với từng vùng sinh thái, giống bò, lợn và các loại gia cầm chất lượng cao; Chuyển giao kỹ thuật sản xuất giống và công nghệ chế biến, bảo quản cho nông dân nhằm nâng cao năng suất chất lượng, chủng loại sản phẩm, tạo được khối lượng sản phẩm hàng hoá lớn, có chất lượng tốt và có sức cạnh tranh trên thị trường, bảo vệ và giảm thiểu ô nhiễm môi trường, góp phần thúc đẩy quá trình tăng trưởng kinh tế trên địa bàn.

Kết hợp hài hòa giữa phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ môi trường, quan tâm nhiều hơn việc cải thiện và nâng cao chất lượng môi trường sinh thái, vừa đáp ứng tốt nhu cầu của hiện tại, đồng thời đảm bảo duy trì tính bền vững cho phát triển của các giai đoạn sau. Thực hiện quy hoạch quản lý chất thải rắn đến năm 2025 cấp huyện và hoàn chỉnh kế hoạch thu gom và xử lý chất thải rắn các xã, thị trấn. Mở rộng và nâng cao chất lượng hệ thống cung cấp nước sạch, hệ thống xử lý rác thải, nước thải.

4. Giải quyết tốt lao động việc làm, đào tạo nghề, xuất khẩu lao động, chương trình giảm nghèo bền vững, chính sách có công, chính sách xã hội và công tác bảo vệ chăm sóc trẻ em:

Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy, chính quyền ở cơ sở đối với công tác đào tạo nghề và giải quyết việc làm, XKLD, xem đây là một nhiệm vụ quan trọng trong kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Phấn đấu hàng năm tạo việc làm mới cho 3.000 lao động, trong đó có 200 lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng. Đào tạo nghề cho 2.500 lao động/năm, nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt cuối năm 2025 đạt trên 70%. Đến năm 2025, tỷ lệ hộ nghèo giảm bằng hoặc thấp hơn tỷ lệ hộ nghèo bình quân của tỉnh theo phương pháp đa chiều.

Phối hợp với Đài Truyền thanh huyện và UBND các xã, TT tăng cường công tác tuyên truyền về các chế độ, chính sách hỗ trợ của Nhà nước trong công tác đào tạo nghề, hỗ trợ tạo việc làm, XKLD nhất là các địa phương bị thiệt hại do sự cố môi trường biển.

Tiếp tục triển khai các chương trình, dự án thuộc chương trình mục tiêu Quốc gia giảm nghèo nhằm thực hiện có hiệu quả công tác giảm nghèo theo hướng bền vững. Triển khai tốt và có hiệu quả các chương trình vay vốn tín dụng ưu đãi cho hộ nghèo. Tạo điều kiện trong việc tiếp cận các chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản cho người nghèo thông qua các chính sách an sinh xã hội.

Thực hiện tốt các chính sách đối với người có công với cách mạng, đối tượng bảo trợ xã hội và chính sách an sinh xã hội. Huy động mọi nguồn lực của xã hội

cùng với Nhà nước chăm lo tốt đời sống vật chất và tinh thần cho người có công và thân nhân của người có công với cách mạng. Đồng thời với những biện pháp quyết liệt, bằng những việc làm thiết thực phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương để “ không để ai bị bỏ lại phía sau”, không còn các hộ có thành viên thuộc đối tượng chính sách người có công với cách mạng thuộc hộ nghèo, phấn đấu 100% gia đình người có công với cách mạng có mức sống bằng hoặc cao hơn mức sống trung bình của cộng đồng dân cư nơi cư trú.

Quan tâm tới những người già neo đơn, người khuyết tật, những người bị nhiễm chất độc màu da cam.

Nêu cao trách nhiệm của gia đình, cộng đồng và xã hội trong thực hiện chính sách, pháp luật bảo vệ chăm sóc và giáo dục trẻ em. Tăng cường công tác truyền thông giáo dục, kiểm tra, ngăn chặn có hiệu quả các tệ nạn xã hội và phòng chống các loại tội phạm.

5. Hoạt động Văn hóa - thông tin, thể dục thể thao và du lịch:

a) Văn hóa

Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác công tác tuyên truyền cổ động trực quan; Tổ chức các Liên hoan văn nghệ quần chúng, hội thi, hội diễn, Festival Thuận An biển gọi nhằm chào mừng các ngày lễ lớn, các sự kiện chính trị của quê hương đất nước. Phục hồi và nâng cao giá trị của các loại hình văn hóa nghệ thuật dân gian. Tiếp tục nâng cao chất lượng phong trào “TĐĐXKĐĐSVH”, sửa đổi, bổ sung đưa các quy định về xây dựng nếp sống văn minh đô thị và nông thôn, thực hiện chính sách dân số và phát triển, vệ sinh môi trường vào các quy ước văn hóa, bãi bỏ các quy định không phù hợp. Duy trì, nâng cao số lượng, chất lượng khu dân cư, gia đình văn hóa; Phấn đấu các cơ quan, đơn vị trên địa bàn huyện đều đăng kí cơ quan văn hóa. Tiếp tục phối hợp quản lý các cơ sở di tích lịch sử, văn hóa trên địa bàn huyện, tham mưu đề xuất lập hồ sơ công nhận thêm các di tích trên địa bàn, đồng thời tham mưu các cấp trong công tác tu bổ các di tích trên địa bàn huyện.

Triển khai và thực hiện các hoạt động gia đình, phòng chống bạo lực gia đình. Có các hình thức phong phú để biểu dương, nhân rộng các gia đình văn hóa tiêu biểu

b) Thể dục, thể thao

Tổ chức các hoạt động TDTT quần chúng như Giải Việt dã, đua ghe, bóng đá truyền thống, giải cầu lông CBCCVC; giải cờ...Nghiên cứu để đưa thêm một số loại hình thể dục thể thao vào phục vụ nhu cầu của cán bộ công nhân viên chức và nhân dân, chú trọng đối với các loại hình phục vụ hoạt động dịch vụ du lịch . Phối hợp tổ chức giải thể dục thể thao do tỉnh tổ chức. Tiếp nhận và phát huy tốt các thiết chế thể thao để tổ chức các hoạt động TDTT. Xây dựng kế hoạch bồi dưỡng và tham gia các lớp đào tạo nâng cao kiến thức chuyên môn cho đội ngũ làm công tác huấn luyện, hướng dẫn viên, trọng tài cho cán bộ làm công tác TDTT cơ sở phục vụ công tác tổ chức và thi đấu; quan tâm tập huấn công tác cứu hộ cứu đuối. Nâng cao công tác quản lý nhà nước đối với các dịch vụ thể dục thể thao trên địa bàn.

Trong nhiệm kỳ 2020 – 2025, phấn đấu đưa số người luyện tập thể dục thể thao đạt trên 32% dân số; Số gia đình luyện tập thể dục thể thao thường xuyên đạt trên 26%; quan tâm xây dựng các thiết chế thể dục thể thao từ huyện tới cơ sở nhằm phục vụ nhu cầu thể dục thể thao trên địa bàn theo quy định.

c) Viễn thông

Phối hợp với các ban ngành liên quan tăng cường công tác quản lý Nhà nước về hoạt động viễn thông, công nghệ thông tin, xuất bản, báo chí theo đúng quy hoạch và quy định của pháp luật. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra các công trình viễn thông, đảm bảo đúng quy hoạch, mỹ quan đô thị. Quản lý các cơ sở kinh doanh dịch vụ internet.

* Xây dựng Đài truyền thanh huyện trở thành một đài mạnh, làm tốt nhiệm vụ cung cấp thông tin, tuyên truyền các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước. Nghiên cứu và làm mới các chuyên mục, nâng cao chất lượng và thời lượng phát thanh, truyền thanh của Đài truyền thanh huyện và các xã, thị trấn.

d) Du lịch

Đẩy mạnh tuyên truyền quảng bá có chất lượng và chiều sâu nhằm tạo dựng một hình ảnh về du lịch Phú Vang thân thiện, mến khách. Tăng cường công tác xúc tiến kêu gọi đầu tư các dự án về du lịch dịch vụ tạo động lực thúc đẩy hoạt động du lịch trên địa bàn, có kế hoạch để đào tạo và phát triển nguồn nhân lực cho các hoạt động du lịch dịch vụ trong đó chú trọng lực lượng lao động tại chỗ. Tăng cường công tác quản lý nhà nước về du lịch. Tiếp tục quan tâm đầu tư phát triển đồng bộ cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất du lịch, khai thác tốt dịch vụ du lịch biển, đàm phá tại các bãi biển Thuận An, Phú Thuận, Vinh Thanh, Vinh Xuân, Vinh An.... Tăng cường đa dạng hóa sản phẩm dịch vụ du lịch biển và hướng tới sản phẩm có giá trị cao, nghiên cứu phát triển các sản phẩm mới, hấp dẫn du khách. Đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án đầu tư lớn, trọng điểm (dịch vụ sân golf, dịch vụ cao cấp Vinh Thanh, Vinh Xuân; khu nghỉ dưỡng, giải trí tại Vinh Thanh; bến thuyền du lịch Thanh Tiên (Phú Mậu...); dự án Quần thể du lịch sinh thái, vui chơi giải trí, nghỉ dưỡng cao cấp FLC Huế tại xã Vinh Xuân....

Phần đầu tăng trưởng dịch vụ du lịch bình quân giai đoạn 2020-2025 đạt từ 18% trở lên; khách du lịch thu hút hàng năm bình quân đạt trên 1,3 triệu lượt; khách lưu trú đạt gần 30.000 lượt trong đó khách quốc tế đạt từ 19.000 lượt trở lên.

6. Tài nguyên – môi trường:

Tiếp tục thực hiện tốt công tác quản lý đất đai. Thực hiện hoàn chỉnh việc xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai đồng bộ thống nhất trên toàn tỉnh.

Thực hiện cập nhật, chỉnh lý biến động đất đai, khai thác hiệu quả hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu địa chính. Nghiên cứu đề xuất cơ chế, chính sách thí điểm tích tụ tập trung ruộng đất, đảm bảo hài hòa lợi ích nhà nước và người dân.

Thực hiện các giải pháp phòng ngừa và kiểm soát các nguồn gây ô nhiễm môi trường, xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm môi trường.

7. Công tác thanh tra, tiếp dân, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo; phòng chống tham nhũng, lãng phí::

Công tác thanh tra

Nhiệm kỳ tới trên cơ sở định hướng công tác thanh tra của Thanh tra Chính phủ, Thanh tra tỉnh và dựa trên tình hình thực tiễn của địa phương, nội dung thanh tra tập trung trên các lĩnh vực tài chính ngân sách; quản lý quỹ đất đai; xây dựng cơ bản; công tác phòng, chống tham nhũng; giải quyết khiếu nại, tố cáo

Công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo

Duy trì công tác tiếp công dân theo quy định; giải quyết dứt điểm, kịp thời các đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị phản ánh và tranh chấp mới phát sinh, không để

đơn thư tồn đọng kéo dài, xảy ra điểm nóng, khiếu kiện đông người gây phức tạp tình hình. Thường xuyên tiến hành kiểm tra, rà soát các đơn thư để chỉ đạo giải quyết dứt điểm nhằm hạn chế khiếu kiện vượt cấp.

Công tác phòng, chống tham nhũng

Tiếp tục triển khai phổ biến, quán triệt Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 và các văn bản có liên quan; các cơ quan, đơn vị, địa phương tập trung chỉ đạo thực hiện có hiệu quả các giải pháp phòng, ngừa tham nhũng theo quy định của Luật Phòng, chống tham nhũng; tăng cường công tác nắm bắt thông tin và thanh tra, kiểm tra nhằm kịp thời phát hiện và xử lý vi phạm để phòng ngừa tham nhũng.

8. Công tác xây dựng chính quyền, cải cách hành chính và công tác nội chính: Đẩy mạnh và thực hiện có kết quả việc thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp theo qui định tại Nghị định 130 và Nghị định 43 của chính phủ. Xây dựng, hoàn thiện các nội quy, quy chế hoạt động cụ thể của cơ quan, đơn vị, bảo đảm cho mọi lĩnh vực hoạt động của cơ quan, đơn vị đều có các quy định để điều chỉnh, góp phần ngăn chặn và đẩy lùi tệ quan liêu, tham nhũng, đồng thời tạo sự đoàn kết, thống nhất, xây dựng cơ quan, đơn vị trong sạch, vững mạnh.

Tổ chức thực hiện việc quản lý đội ngũ công chức, viên chức Nhà nước chặt chẽ, đúng quy định của pháp luật. Tiếp tục xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có phẩm chất tốt, tận tụy phục vụ nhân dân, có tính chuyên nghiệp cao. Triển khai thực hiện quy chế thanh tra, giám sát việc thực hiện chế độ công vụ và thanh tra công vụ đối với đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo quy định của Chính phủ.

Tiếp tục nâng cao hiệu lực, hiệu quả và vai trò quản lý nhà nước về tôn giáo đối với hoạt động của các tôn giáo; kiên quyết đấu tranh có hiệu quả với các thế lực lợi dụng tôn giáo để chống phá sự ổn định chính trị-xã hội trên địa bàn huyện.

V. CÔNG TÁC QUỐC PHÒNG - AN NINH:

1. Công tác Quốc phòng: Duy trì nghiêm nhiệm vụ trực SSCĐ từ huyện đến cơ sở, phối hợp với các lực lượng nắm chắc tình hình địa bàn, kịp thời làm tham mưu cho cấp ủy, chính quyền giải quyết tốt các vấn đề nổi cộm, giữ vững ANCT-TTATXH trên địa bàn trong mọi thời điểm. Chỉ đạo các đơn vị cơ sở tiếp tục củng cố kiện toàn, ổn định tổ chức biên chế cán bộ, chiến sĩ lực lượng DQTV bảo đảm số lượng, chất lượng, độ tin cậy cao và tổ chức hoạt động có hiệu quả. Nắm chắc lực lượng và phương tiện tàu thuyền sẵn sàng huy động làm nhiệm vụ đấu tranh bảo vệ chủ quyền biển, đảo.

Tuyên truyền Luật NVQS, Luật DQTV, Luật GDQPAN và Pháp lệnh DBĐV. Đẩy mạnh hoạt động CTĐ, CTCT trong thực hiện các nhiệm vụ của LLVT huyện.

2. Công tác An ninh, trật tự: Triển khai các phương án, kế hoạch bảo vệ an toàn các sự kiện chính trị trọng đại, các công trình, mục tiêu quan trọng. Chủ động nắm chắc tình hình địa bàn, giám sát chặt chẽ đối tượng trọng điểm, bảo đảm tốt an ninh nông thôn; tăng cường nắm tình hình an ninh biên giới biển. Thực hiện có hiệu quả công tác đảm bảo an ninh tôn giáo, chủ động phát hiện, đấu tranh ngăn chặn quan hệ, móc nối, liên kết lực lượng giữa số cực đoan, chống đối trên địa bàn với các đối tượng ngoài địa phương. Thực hiện tốt công tác trực chỉ huy, trực ban, trực chữa cháy, giao ban, giao ca, thường trực SSCĐ. Tiến hành kiểm tra định kỳ về an toàn phòng cháy chữa cháy đối với các cơ sở thuộc thẩm quyền quản lý. Phối hợp với cơ sở tổ chức thực tập Phương án chữa cháy trên địa bàn. Đẩy mạnh công tác

phát động phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc. Tham mưu sơ kết, tổng kết các khu dân cư trên địa bàn nhằm đánh giá hiệu quả hoạt động; tăng cường tuyên truyền pháp luật về giao thông đường bộ, pháp luật về phòng chống ma túy cho thanh thiếu niên, nhân dân và học sinh trên địa bàn.

VI. CÁC NHÓM GIẢI PHÁP CHỦ YẾU:

1. Huy động tối đa và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực cho đầu tư phát triển: Phân đầu tăng giá trị sản xuất bình quân hàng năm trên 12,41%, Chuyển dịch mạnh cơ cấu kinh tế theo hướng tăng nhanh tỷ trọng dịch vụ-TTCN, khai thác tiềm năng thế mạnh của các ngành nông nghiệp, ngư nghiệp.

Thực hiện các cơ chế, chính sách khuyến khích và tạo lập một môi trường kinh doanh thực sự thông thoáng nhằm huy động mạnh mẽ nguồn lực trong nhân dân, vốn đầu tư từ các địa phương ngoài huyện. Vốn ngân sách Nhà nước tập trung bố trí thực hiện các nhiệm vụ có tính đột phá, trước hết là xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu. Tranh thủ tối đa và sử dụng có hiệu quả nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức của nước ngoài (ODA).

Khai thác hợp lý quỹ đất để triển khai nhanh các chương trình, dự án ưu tiên đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng. Tranh thủ sự ủng hộ của các bộ, ngành trung ương và tỉnh để đầu tư các dự án lớn.

Tạo điều kiện để các thành phần kinh tế phát triển nhanh. Có chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế hợp tác và hợp tác xã; doanh nghiệp nhỏ và vừa để phát triển sản xuất, tạo thêm việc làm, cải thiện đời sống người lao động.

Phát triển lực lượng sản xuất theo hướng đẩy nhanh quá trình CNH, kết hợp giữa khai thác lợi thế nguồn tài nguyên thiên nhiên sẵn có, nguồn nhân lực dồi dào và khoa học công nghệ mới để đẩy mạnh cơ cấu kinh tế của huyện.

Tích cực mở rộng thị trường và tăng khả năng cạnh tranh của nền kinh tế. Hỗ trợ nghiên cứu phát triển thị trường, xây dựng thương hiệu sản phẩm hàng hoá đặc sản; quan tâm phát triển thị trường nông thôn, xây dựng mạng lưới trao đổi hàng hoá với các địa phương trong vùng và ngoài tỉnh.

2. Phát triển nguồn nhân lực: Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực một cách toàn diện, sử dụng và phát huy có hiệu quả đội ngũ cán bộ quản lý; ưu tiên đào tạo nguồn nhân lực cho các ngành du lịch, tiểu thủ công nghiệp và thủy sản. Đào tạo, huấn luyện các ngành nghề nhằm giải quyết vấn đề thiếu hụt lao động có tay nghề, khuyến khích đa dạng hoá các hình thức đào tạo, nhất là đào tạo nghề.

Xây dựng chính sách và đào tạo bồi dưỡng đội ngũ cán bộ đủ phẩm chất và năng lực đáp ứng nhiệm vụ ngày càng cao; xây dựng chính sách thu hút và đào tạo nguồn nhân lực có trình độ cao phục vụ nhu cầu phát triển sản xuất, kinh doanh; xây dựng chính sách khuyến khích các thành phần kinh tế nâng cao hiệu quả, sức cạnh tranh, từng bước xã hội hoá đào tạo nguồn nhân lực.

Xây dựng các cơ sở đào tạo phù hợp với điều kiện và yêu cầu thực tế của địa phương. Đẩy mạnh công tác xã hội hoá về giáo dục, huy động nguồn lực trong xã hội để phát triển giáo dục.

3. Phát triển Khoa học công nghệ và bảo vệ môi trường: Ứng dụng khoa học và công nghệ vào sản xuất, kinh doanh, quản lý kinh tế, xã hội. Tạo chuyển biến trong tiếp cận kinh tế tri thức để tăng nhanh hàm lượng công nghệ trong sản phẩm hàng hoá và dịch vụ. Đẩy mạnh phong trào phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ

thuật, nâng cao chất lượng sản phẩm trong sản xuất kinh doanh và phục vụ đời sống nhân dân.

Gắn phát triển kinh tế-xã hội với bảo vệ và cải thiện môi trường tự nhiên; ngăn ngừa và kiểm soát có hiệu quả ô nhiễm môi trường, nhất là môi trường đầm phá; chủ động phòng tránh và hạn chế tác động xấu của thiên tai.

4. Thực hiện chính sách an sinh xã hội và công tác xóa đói giảm nghèo: Tiếp tục thực hiện các chính sách, biện pháp trợ giúp phát triển kinh tế tiếp cận các dịch vụ xã hội cho người nghèo. Đẩy mạnh chính sách khuyến khích phát triển sản xuất, tạo động lực vươn lên làm giàu, giảm nhanh số hộ nghèo; phát triển mạng lưới đào tạo nghề cho người lao động, nâng cao tỷ lệ lao động qua đào tạo và đào tạo nghề.

Phát triển mạng lưới an sinh xã hội chăm sóc người có công; trợ giúp người nghèo, người có hoàn cảnh khó khăn. Giải quyết có hiệu quả những vấn đề bức xúc của xã hội.

5. Cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực và hiệu quả quản lý Nhà nước: Tiếp tục thực hiện đồng bộ cải cách hành, trọng tâm là cải cách thủ tục hành chính xem đây là bước đột phá quan trọng góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội địa phương.

Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về kinh tế- xã hội của chính quyền các cấp; Thực hiện quy chế, chương trình công tác, tập huấn, đào tạo để tăng cường năng lực cho đội ngũ cán bộ công chức đảm bảo tính chuyên nghiệp đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ. Tiếp tục đổi mới công tác cán bộ cả về quan điểm nội dung, phương pháp, tổ chức quản lý, chế độ trách nhiệm, bộ máy và con người.

Tăng cường chất lượng và hoạt động của các cơ quan tư pháp, đẩy lùi tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí, chú trọng đổi mới thực hiện công khai, dân chủ. Áp dụng các cơ chế, biện pháp để ngăn chặn và xử lý, khắc phục các trường hợp gây nhũng nhiễu, phiền hà cho dân, tăng cường kỷ cương, củng cố khối đại đoàn kết; Đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước, kịp thời biểu dương, khen thưởng các điển hình tập thể, cá nhân có các thành tích, động viên các tầng lớp nhân dân, cán bộ, công chức thi đua hoàn thành nhiệm vụ.

Hoàn chỉnh các phương án chủ động phòng chống lụt bão, phân công cụ thể theo địa bàn, tăng cường phương tiện ứng cứu và triển khai diễn tập. Tập trung chỉ đạo khắc phục hậu quả bão lụt, khôi phục sản xuất kinh doanh và ổn định đời sống nhân dân; đồng thời, rút kinh nghiệm để chủ động đối phó, phòng, chống thiên tai có hiệu quả theo phương châm “5 tại chỗ” trong mọi tình huống, hạn chế thấp nhất thiệt hại về tính mạng và tài sản của nhân dân trên địa bàn huyện.

PHẦN THỨ BA

CÁC CHƯƠNG TRÌNH TRỌNG ĐIỂM

I. CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN KINH TẾ-XÃ HỘI TRỌNG ĐIỂM

Để đạt được mục tiêu của kế hoạch 5 năm 2021 - 2025, tập trung các nguồn lực đầu tư của toàn xã hội để ưu tiên cho các chương trình, dự án KT-XH trọng điểm sau:

A) Các chương trình trọng điểm:

1. Chương trình phát triển kinh tế biển và đầm phá, trọng tâm là phát triển đô thị và du lịch ven biển, đầm phá.

2. Chương trình xây dựng nông thôn mới, đến năm 2025 đạt huyện nông thôn mới.

3. Chương trình giáo dục đào tạo và phát triển nguồn nhân lực.

II. MỘT SỐ ĐỀ XUẤT KIẾN NGHỊ:

1. Đề nghị Chính phủ, các Bộ ngành, UBND Tỉnh quan tâm bố trí vốn cho các chương trình kinh tế - xã hội trọng điểm, nhất là chương trình phát triển kinh tế biển và đầm phá, chương trình nông thôn mới, chương trình giảm nghèo bền vững, các dự án phát triển hạ tầng phục vụ đời sống, phát triển dịch vụ du lịch, sản xuất công nghiệp-TTCN, nông - ngư nghiệp, các công trình phúc lợi công cộng, phòng chống bão lụt, giảm nhẹ thiên tai.

2. Đề nghị Trung ương, các Bộ ngành, UBND Tỉnh tiến hành đẩy nhanh tiến độ hoàn thành các dự án trọng điểm trên địa bàn huyện như Nâng cấp mở rộng QL 49B, Mở rộng Cảng cá Thuận An, nâng cấp đê Đại Giang - Thiệu Hóa, đường Tỉnh lộ 18, đường Phú Mỹ - Thuận An, đường Chợ Mai - Tân Mỹ...

2. Kiến nghị Tỉnh tiếp tục hỗ trợ đầu tư quy hoạch chi tiết để xây dựng hoàn chỉnh đô thị Thuận An mở rộng, thị trấn Phú Đa, thị trấn Vinh Thanh. Đầu tư hạ tầng khu Công nghiệp Phú Đa, Cụm Công nghiệp Thuận An; nâng cấp tuyến tỉnh lộ 10A từ Phú Mỹ đến Phú Đa. Triển khai thực hiện dự án thoát lũ Phố Lợi Hà (ở các xã Phú Dương, Phú Mậu. Phú Thanh. Đề nghị đầu tư kè chống sạt lở bờ biển đoạn Thuận An - Phú Diên.

3. Đề nghị Tỉnh quan tâm hỗ trợ công tác xúc tiến đầu tư, thương mại, dịch vụ du lịch vào địa bàn huyện, ưu tiên kêu gọi đầu tư cho các dự án phát triển dịch vụ du lịch tại các xã, thị trấn ven biển.

5. Đề nghị Tỉnh tiếp tục quan tâm đầu tư kết cấu cơ sở hạ tầng vùng biển, đầm phá, tuyến đường quốc phòng ven biển để đảm bảo an ninh quốc phòng; hỗ trợ đầu tư đóng mới và cải hoán tàu cá công suất lớn để phát huy hiệu quả việc đánh bắt xa bờ, hình thành các Nhà máy chế biến thủy sản để tiêu thụ sản phẩm đánh bắt.

6. Đề nghị Tỉnh hỗ trợ ngân sách để triển khai thực hiện quy hoạch chi tiết nuôi trồng thủy sản, quy hoạch thủy lợi, hình thành các vùng nuôi tôm công nghiệp tập trung. Tiếp tục tăng cường hỗ trợ công tác khuyến ngư, khuyến nông, chuyển giao công nghệ ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (b/c);
- TV. Huyện ủy (b/c);
- Các Sở ban ngành cấp tỉnh;
- TT. HĐND huyện;
- CT, PCT UBND huyện;
- Các cơ quan, ban ngành, đoàn thể cấp huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- Lưu VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Trần Thanh Long